

THỂ KỶ XXI
NHÌN VỀ NHÂN VẬT LỊCH SỬ

PHAN THANH GIAN

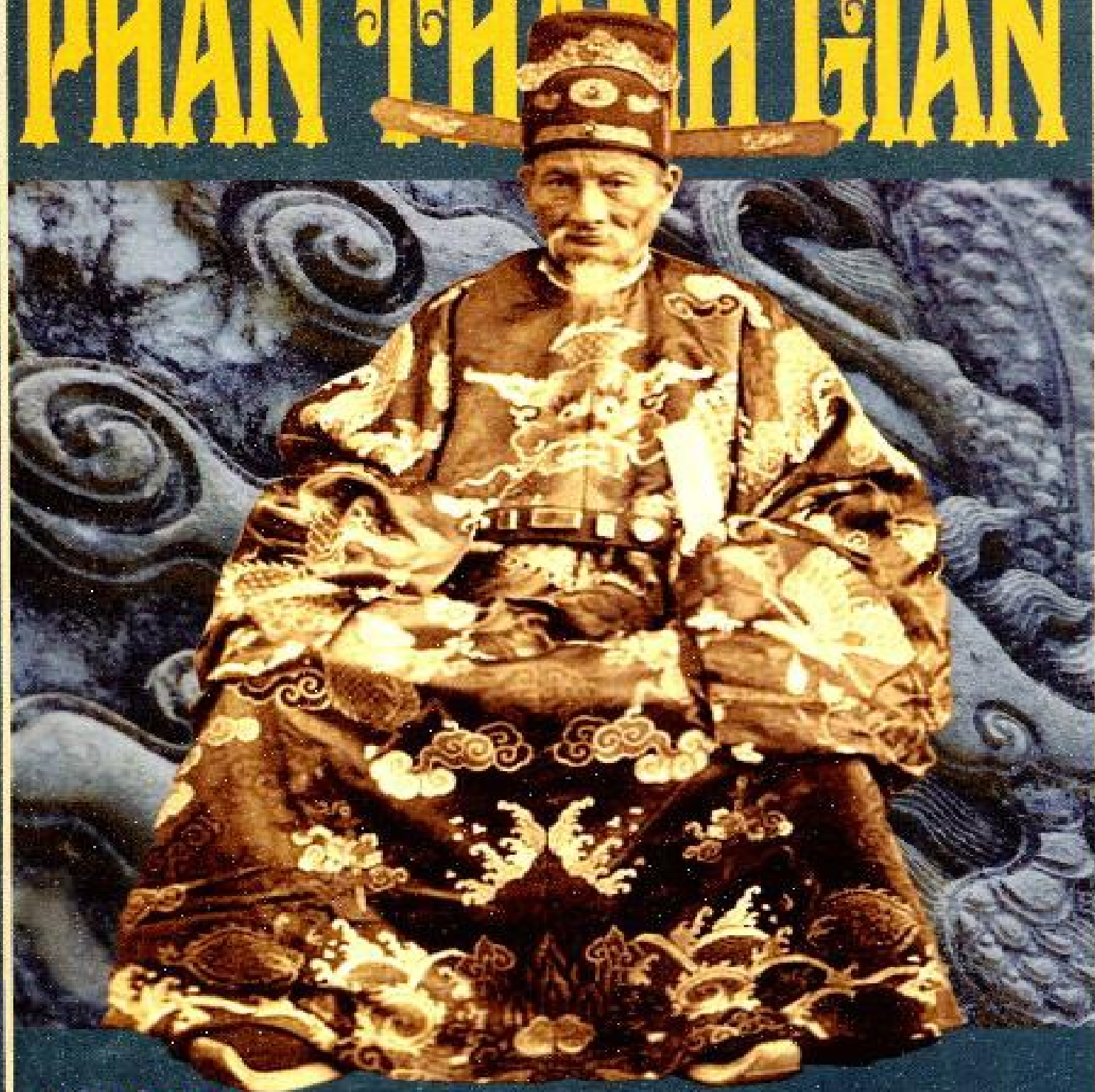


Table of Contents

[Phan Thanh Giản](#)

[Lời giới thiệu](#)

[Tâm niệm](#)

[I. Sinh trong thời loạn](#)

[II. Con đường học vấn](#)

[III. Nấc thang danh vọng](#)

[IV. Pháp - Việt giao binh](#)

[V. Nguyễn Tri Phương thất thủ đồn Kỳ Hòa Phan Thanh Giản vào Nam](#)

[VI. Phan Thanh Giản - Lâm Duy Hiệp](#)

[VII. Sứ bộ Việt Nam sang Pháp](#)

[VIII. Cụ Phan lại thương thuyết với Aubaret](#)

[IX. Cụ Phan lại vào nam](#)

[X. Nam kỳ thuộc Pháp](#)

[XI. Phan Thanh Giản về thần](#)

[XII. Trống nghĩa bảo an sấm dậy](#)

[XIII. Công luận phẩm bình](#)

[Liệt kê các sách báo tham khảo](#)

[Tủ Sách Alpha Di Sản Góc Nhìn Sử Việt](#)

Nam Xuân Thọ

PHAN THANH GIẢN

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời giới thiệu

Bạn đọc thân mến!

Lịch sử văn hóa của một dân tộc không phải của riêng cá nhân nào, chính vì vậy, việc bảo tồn, gìn giữ và phát triển lịch sử văn hóa cũng không phải riêng một người nào có thể gánh vác được, nó thuộc về nhận thức chung của toàn xã hội và vai trò của từng nhân tố trong mỗi chặng đường lịch sử. Lịch sử là một khoa học. Lịch sử không phải là việc thống kê sự kiện một cách khô khan rời rạc. Bởi mỗi sự kiện trong tiến trình đó đều có mối liên kết chặt chẽ với nhau bằng sợi dây vô hình xuyên suốt không gian và thời gian tạo nên lịch sử của một dân tộc.

Dân tộc Việt Nam trải hơn một nghìn năm Bắc thuộc, gần trăm năm dưới ách cai trị của thực dân, đế quốc, nhưng con cháu bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... vẫn kiên trì bền chí, tin tưởng ở quá khứ hào hùng, không ngừng tranh đấu hướng tới tương lai rộng mở vì độc lập tự do của đất nước.

Một dân tộc, một quốc gia muốn trường tồn và phát triển, ngoài việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật, điều quan trọng hơn nữa là phải có một nền tảng giáo dục vững chắc. Trong đó, giáo dục về lịch sử và lòng tự hào dân tộc là cần thiết để ghi khắc trong tâm trí các thế hệ, đặc biệt là tầng lớp thanh niên, ý thức về nguồn gốc dân tộc, truyền thống văn hóa và nội lực quốc gia, đồng thời giúp định hình góc nhìn thấu đáo về vai trò của từng giai đoạn, triều đại và nhân vật - dù gây tranh cãi - tạo nên lịch sử đó.

Chính vì những giá trị to lớn đó, vấn đề học tập, tìm hiểu lịch sử nước nhà hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước và toàn xã hội. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam, Tạp chí *Xưa và Nay*... và rất nhiều những tổ chức khác đã và đang kiên trì con đường thúc đẩy sự phát triển của nền khoa học lịch sử quốc gia, phổ biến tri thức lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc tới toàn xã hội.

Đồng hành với mối quan tâm của toàn xã hội, Công ty Cổ phần Sách Alpha - một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, với tôn chỉ "Tri thức là sức mạnh" - đặc biệt quan tâm tới việc góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về truyền thống văn hóa lịch sử đất nước.

Theo nhiều kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu của bạn đọc cho thấy, "lỗ hổng lịch sử" ở không ít người trẻ hiện nay hoàn toàn có thể bù lấp một phần dựa trên nhiều nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu, sách cổ sách quý hiện đang được các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân lưu giữ. Để chung tay tái hiện một cách rõ nét những mảnh ghép lịch sử dân tộc, Công ty Cổ phần Sách Alpha đã triển khai dự án xuất bản mang tên **Góc nhìn sử Việt** với mục đích xuất bản lại và xuất bản mới một cách có hệ thống các công trình, tư liệu, sách nghiên cứu, sách văn học có giá trị... về lịch sử, bước đầu hình thành nên Tủ sách Alpha Di sản.

Cuốn sách bạn đang cầm trên tay là một trong những sản phẩm đầu tiên của dự án này.

Xin trân trọng giới thiệu.

Công ty CP Sách Alpha

TÂM NIỆM

Ông Nguyễn Văn Kính

Thanh tra học chính liên tỉnh ở Vĩnh Long đã tận tình giúp đỡ rất nhiều tài liệu trong tập sách này. Cảo bản thành hình, trân trọng ghi dòng cảm tạ.

- Nam Xuân Thọ

Dàu dàu mây bạc cõi Ngao Châu!

Tú tài Nguyễn Đình Chiểu khóc Phan Thanh Giản

Một tấm lòng son tạc sử xanh

Án sát tỉnh An Giang Phạm Viết Chánh điệu Phan Thanh Giản

I. Sinh trong thời loạn

Phan Thanh Giản tự Tịnh Bá, lại có một tên tự nữa là Đạm Như, hiệu Lương Khê, biệt hiệu Mai Xuyên, sinh giờ Thìn ngày 12 tháng 10 năm Bính Thìn (1796), tại làng Tân Thạnh, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh (sau đổi ra làng Bảo Thạnh, tổng Bảo Trị, huyện Bảo An, phủ Hoàng Trị, tỉnh Vĩnh Long; nay là làng Bảo Thạnh, quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre).

Nguyên xưa, tổ phụ Thanh Giản là Phan Thanh Tập (có nơi chép là Chính), hiệu Ngẫu Cừ, vốn là người Tàu đời nhà Minh. Khi nhà Minh bị Mãn Thanh dứt, gia đình họ Phan cũng như hầu hết các con dân nhà Minh không tùng phục Mãn Thanh, bỏ nước lặn sang qua Việt Nam, ở tỉnh Bình Định, phủ Hoài Nhân, huyện Bồng Sơn, tổng Trung An, làng Hội Trung. Nơi đây Phan Thanh Tập cưới Huỳnh Thị Học, sinh ra Phan Thanh Ngạn.

Năm Tân Mão (1771) nhà Tây Sơn dấy binh, Phan Thanh Tập dắt gia quyến vào Nam.

Khi ấy, đất “Nam kỳ” thuộc về chúa Nguyễn Phúc Ánh, sửa sang đất đai miền Nam gọi là Gia Định, chia địa phận ra làm bốn dinh:

- 1, Phan Trấn dinh
- 2, Trấn Biên dinh
- 3, Trấn Vĩnh dinh
- 4, Trấn Định dinh

Đến khi gồm được đất nước, Phúc Ánh lên ngôi hiệu là Gia Long, tổ chức lại cơ quan cai trị, thì đất Nam kỳ kêu là Gia Định trấn, đặt một vị Tổng trấn đầu tiên là Nguyễn Văn Thành, gồm coi cả năm trấn là:

- Phan Yên trấn
- Biên Hòa trấn
- Vĩnh Thanh trấn
- Vĩnh Tường trấn
- Hà Tiên trấn

Năm Mậu Thìn (1808) vua Gia Long đổi Gia Định trấn làm Gia Định thành.

Đến năm Nhâm Thìn (1832), Tổng trấn Gia Định thành là Lê Văn Duyệt mất rồi, thì vua Minh Mạng liền bỏ chức Tổng trấn, chia đất Nam kỳ ra làm sáu tỉnh:

3 tỉnh miền đông:

- 1) Biên Hòa (tức Biên Hòa trấn ngày trước)
- 2) Gia Định (tức Phan Yên trấn)
- 3) Định Tường (tức Vĩnh Tường trấn)

3 tỉnh miền tây:

- 4) Vĩnh Long (tức Vĩnh Thanh trấn khi xưa)

5) An Giang (tức Vĩnh Thanh trấn khi xưa)

6) Hà Tiên (tức Hà Tiên trấn)

Phủ Phước Long gồm 4 huyện: Phước Chánh, Bình An, Nghĩa An, Phước Bình.

Phủ Phước Tuy gồm 3 huyện: Phước An, Long Thành, Long Khánh.

Phủ Tân Bình gồm 3 huyện: Bình Dương, Bình Long, Tân Long.

Phủ Tân An gồm 2 huyện: Cửu An, Phước Lộc (phủ Tân An nay làm tòa Tham biện Tân An).

Phủ Hòa Thạnh gồm 2 huyện: Tân Hòa, Tân Thạnh (nay làm tỉnh Gò Công).

Phủ Tây Ninh gồm 2 huyện: Tân Ninh, Quang Hóa, (nay cải làm Trảng Bàng).

Phủ Kiến An gồm 2 huyện: Kiến Hưng – Kiến Hòa (nay làm tỉnh Mỹ Tho).

Phủ Kiến Tường gồm 2 huyện: Kiến Phong, Kiến Long.

Phủ Định Viễn gồm 2 huyện: Vĩnh Bình – Vĩnh Trị (nay thuộc về tòa Tham biện Vĩnh Long).

Phủ Hoằng An gồm 2 huyện: Tân Minh, Duy Minh.

Phủ Hoằng Trị gồm 2 huyện: Bảo Trị, Bảo An.

Phủ Lạc Hóa gồm 2 huyện: Tuân Nghĩa, Trà Vinh.

Phủ Tuy Biên gồm 2 huyện: Tây Xuyên, Phong Phú.

Phủ Tân Thành gồm 3 huyện: Vĩnh An, Đông Xuyên, An Xuyên.

Phủ Ba Xuyên gồm 3 huyện: Phong Nhiên, Phong Thạnh, Vĩnh Định.

Phủ Quảng Biên gồm 2 huyện: Khai Biên, Vĩnh Trường.

Phủ An Biên gồm 3 huyện: Hà Châu, Long Xuyên, Kiên Giang.

Phủ Tịnh Biên gồm 2 huyện: Hà Dương, Hà Âm.

Đại phàm xem sử không thể không rõ địa lý. Biết sơ lược như thế rồi, chúng ta mới nhận thấy rằng: ban đầu gia quyến họ Phan Thanh ở về Thang Trông (thuộc tỉnh Định Tường, Mỹ Tho ngày nay), rồi dời xuống Mân Thít (thuộc trấn Vĩnh Thanh, Vĩnh Long ngày nay), kế đến huyện Bảo An, phủ Hoằng Trị, cũng ở trong tỉnh Vĩnh Long, sau mới dời qua lập nghiệp tại làng Tân Thạnh, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh (sau đổi ra làng Bảo Thạnh, huyện Bảo An, phủ Hoằng Đạo, tỉnh Vĩnh Long; nay là làng Bảo Thạnh, quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre).

Lập nghiệp tại làng Tân Thạnh, cất nhà ở gãnh Mù U, bãi Ngao tức Ngao Châu, Phan Thanh Ngạn tục gọi là Xán, hiệu Mai Thự, cưới Lâm Thị Bút người làng Phú Ngãi, tổng Bảo Thuận, sinh ra Phan Thanh Giản giữa lúc chúa Nguyễn Phúc Ánh chiêu quân kích chiến với Tây Sơn.

Thanh Ngạn để vợ con ở lại nhà lên tỉnh Vĩnh Long làm thơ lại.

Mậu Ngọ (1798), lãnh phận sự vận lương trên chiếc thuyền “Hồng Nhật”, tới vịnh Đà Nẵng rủi gặp bão, thuyền lương trôi tấp tận đảo Hải Nam, Thanh Ngạn may còn sống sót, lần về quê quán. Rồi nhờ có nhiều công lao, Thanh Ngạn được thăng chức Thủ hạp.

Nhâm Tuất (1802) Lâm Thị Bút qua đời, mới có 26 tuổi (1776-1802). Mất mẹ, Phan Thanh

Giản vừa mới lên bảy tuổi. Và cũng trong năm này, nhà Nguyễn nhất thống Nam Bắc, Nguyễn Ánh lên ngôi xưng hiệu là Gia Long.

Gia Long năm thứ hai (Quý Hợi: 1803), Phan Thanh Ngạn không thể ở vậy nuôi con, liền cưới người vợ thứ là Trần Thị Dưỡng. Người mẹ kế này cũng không đến nỗi khắc nghiệt với Thanh Giản, cho Giản học với nhà sư Nguyễn Văn Noa ở chùa làng Phú Ngãi.

Ất Hợi (1815), Thanh Ngạn bị vu hãm can án, vì các quan lại ghét Ngạn cang trực. Ngạn bị khép tội phải phạt một năm tù. Thanh Giản bấy giờ đã 20 tuổi, thân hành lên tỉnh, xin vào yết kiến quan Hiệp trấn Lương ở Vĩnh Long, mà xin chịu tù thế cho cha. Quan Hiệp trấn Lương không thể nào làm khác được, chỉ an ủi Giản nên cố lo tương lai, và hết lòng giúp đỡ cho Giản ăn học.

Giản thọ ân. Hằng ngày Giản siêng cần học tập. ngày hai buổi chẳng khi nào quên nhân ra đôi ba giờ vào khám thăm cha, chịu cực khổ thay cha. Các quan thấy thế đều cảm động.

Chừng Thanh Ngạn mãn hạn tù, Hiệp trấn Lương bèn khuyên Thanh Ngạn nên để Giản ở lại Vĩnh Long mà học cho tiện. Thanh Ngạn rất vui lòng. Từ ấy, Phan Thanh Giản ở học tại tỉnh, thọ giáo với một người họ Võ (không rõ là tên gì. Nhưng chắc chắn không phải là cụ Võ Trường Toản như nhiều người đã nói. Vì khi cụ Võ Trường Toản mất (Nhâm Tý: 1793) Phan Thanh Giản chưa ra đời)

Bấy giờ trong tỉnh lại có một người đàn bà tên là Ân cũng thương Thanh Giản hiếu thuận siêng cần, thường cho cơm áo. Thanh Giản lấy làm cảm kích, dốc lòng gắng gổ...

II. Con đường học vấn

Nhờ một tấm lòng hiếu thuận hơn người, Phan Thanh Giản đã gạt hái được nhiều kết quả tốt đẹp trong buổi thiếu thời. Ở với mẹ ghẻ, Giản vẫn tránh được cái nạn mẹ ghẻ con chồng thâm hại, đến nỗi người mẹ ghẻ cũng phải mến. Xử việc liệu lý, Phan Thanh Giản vẫn được lòng cả mọi người, đến quan trên như Hiệp trấn Lương cũng động lòng mà hạ cố, đến bà góa tên Ân cũng xem Giản như con mà giúp cho từ miếng ăn tấm mặc.

Chưa chường mắt trên trận đời, nhưng Thanh Giản đã thọ ân nhiều quá. Nặng mang một tấm lòng con hiếu, một dạ giời mài đao hạnh, lẽ cố nhiên Phan Thanh Giản phải cố gắng thế nào cho không phụ bao nhiêu tấm lòng kỳ vọng ở mình. Thanh Giản đã có được những động lực đùn đẩy kích thích, tài năng ngày một nảy nở, tâm chí ngày một được rèn giũa cho trong sáng. Và tiền trình... chắc chắn vô hạn lượng. Thanh Giản chắc hẳn cũng lắm lúc tự hiểu mình như thế.

Năm Ất Dậu (1825) nhằm năm Minh Mạng thứ 6, Thanh Giản ra thi tại trường Hương Gia Định, đỗ Cử nhân. Năm sau (Bính Tuất: 1826) thi Hội tại Kinh, Thanh Giản đỗ Tiến sĩ.

Một điều nên biết khoa thi Hội có đến 200 người, mà chỉ lấy đỗ được có 10 ông Tiến sĩ: Bắc Việt 7 người, Trung Việt 2, Nam Việt 1. Một người ở Nam Việt đây chính là cụ Phan Thanh Giản vậy. Xem thế thì đủ biết công phu học tập của Thanh Giản rất già dặn và nhiều cố gắng đến bậc nào.

Đỗ tiến sĩ rồi, Thanh Giản vâng lời cha để làm lễ cưới Nguyễn Thị Mỹ người làng Mỹ Lộc, huyện Phước Lộc, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm ấy Phan Thanh Giản được 31 tuổi.

Xem thế, lại một lần nữa ta phải kính phục đức độ Phan Thanh Giản. Đến tuổi ngoài ba mươi, con người ấy mới nghĩ đến việc thất gia, há không là một gương tốt cho thanh niên?

Tháng 8 năm ấy (1862) Phan Thanh Giản được bổ Hàn lâm viện biên tu. Sang tháng 11 được bổ làm Tham hiệp tỉnh Quảng Bình.

Năm Đinh Hợi (1827) nguyên phối của Thanh Giản là Nguyễn Thị Mỹ hạ sinh một gái. Nhưng đứa con đầu lòng không sống, và người vợ trẻ cũng không thọ.

Thanh Giản lên đường vào Kinh nhậm chức ở Quảng Bình, trong lúc đi đường, trải qua rừng vắng, Thanh Giản bồi hồi ngâm mấy vần lai láng:

Muôn dặm đường xa mới tới Kinh,

Bao nhiêu non nước bấy nhiêu tình.

Rừng không người vắng chim kêu rón.

Trăng lặn sao mờ gió thổi rinh.

Năm Mậu Tý (1828) nhằm năm Minh Mạng thứ 9, Thanh Giản nghe viên Huấn đạo Nguyễn Văn Đức ca tụng đức hạnh một người phụ nữ tên Trần Thị Hoạch, người làng Đơn Vệ, huyện Minh Linh, tỉnh Quảng Trị, con cụ Ân Trần Công Ân. Thanh Giản khi ấy đã 33 tuổi. Mà Trần Thị Hoạch cũng đã 30 tuổi nhưng chưa chồng vì rất kén. Thanh Giản hâm mộ tiếng tăm Trần thị, mới cậy người mai mối mà cưới.

Nếu Thanh Giản cưới vợ rồi lập gia đình thì cũng là chuyện thường, còn có gì đáng nói. Nhưng ở đây, chúng ta lại phải phục vợ chồng Thanh Giản là người rất phi thường. Vì sau khi cưới hỏi nhau rồi, chẳng được bao lâu, Thanh Giản ngậm ngùi nỗi cha già trong Nam vò võ, mới than thở với vợ, xin Trần thị hãy tưởng tình mình mà vào Nam phụng dưỡng cha già. Vợ chồng mới

cưới, ân tình còn đang nồng, thế mà Trần Thị Hoạch vui lòng đảm nhận cái nhiệm vụ của Thanh Giản giao cho. Thanh Giản sa nước mắt vì cảm động. Ngày đưa vợ về làng Bảo Thạnh, vợ chồng Thanh Giản đều ngùi ngùi, riêng Thanh Giản đã bản khoản cảm động rất mực mà đưa tặng vợ một bài thơ lâm ly tình tứ:

*Từ thuở vương xe mối chỉ hồng,
Lòng này ghi tạc có non sông.
Đường mây cười tở ham rong ruổi,
Trướng liễu thương ai chịu lạnh lùng.
Ân nước nợ trai đành nổi bận,
Cha già nhà khó cậy nhau cùng.
Mấy lời dặn bảo con lâm biệt,
Rằng nhớ rằng quên lòng hỡi lòng!*

Đừng tưởng Thanh Giản sở dĩ đưa vợ về Bảo Thạnh là vì còn có hầu thiếp thiếu gì. Không. Thật ra Thanh Giản là người không ưa sắc đẹp đàn bà, một phần cũng nhờ công phu học vấn sâu dày. Một điều minh chứng cho việc Thanh Giản không luyến sắc, là sau đó chính Trần thị có xin cưới cho chồng một người thiếp tên Thịnh ở làng Bảo Thạnh. Nhưng Thanh Giản cho thi Thịnh về lấy chồng khác. Và tội nghiệp! Thi Thịnh có lẽ cũng cảm vì đức độ của Thanh Giản mà từ đó cứ ở vậy cho đến chết!

Lại thêm một bằng chứng nữa. Về sau, Thanh Giản làm Kinh lược sứ ba tỉnh miền tây Nam Việt, một hôm có quan Tổng đốc Vĩnh Long là Trương Văn Uyển đến thăm, nhân vui miệng có hỏi:

– Sao quan lớn không dùng hầu thiếp.

Thanh Giản đáp:

– Tôi không đủ ngày giờ lo việc quốc gia, có ngày giờ đâu mà lo việc hầu thiếp. Tôi chỉ thích hoa quỳ, vì sắc nó đẹp tự nhiên, hương nó thơm dịu dịu, sắc hương người có sánh được đâu. Và lại tính nó có rõ ràng ngay thẳng nó mới dám nhìn mãi mặt trời mà không chút thẹn. Vậy nên tôi yêu quý nó hơn đàn bà đẹp.

Đấy, cái công phu học vấn của Thanh Giản có thể tóm lại ở bốn chữ: “Sùng Nho trọng Đạo”. Ở chương này, xin chép tỉ mỉ về đức độ của Thanh Giản để làm một tấm gương sáng cho chúng ta soi.

Khi trẻ có hiếu đến cảm được người chung quanh. Rồi trót thọ ân người, Thanh Giản đã cố gắng đỗ đạt để mong báo đền.

Có gì cảm động bằng khi Thanh Giản đi thi, bà Ân là người đã chu cấp cho Thanh Giản rất nhiều, khi ấy có may cho Thanh Giản một cái áo lương. Thanh Giản không bao giờ quên kỷ niệm, gìn giữ áo ấy cho đến chết vẫn còn, mà thời thường hay lấy ra xem và nhắc nhở cho con cháu biết gốc tích.

Đối với quan Hiệp trấn Lương là người đã đỡ đầu cho Thanh Giản, Thanh Giản luôn luôn kính trọng, thăm nom xem như cha mẹ. Còn đối với thầy học, Thanh Giản khi được về vang rồi, mỗi khi có dịp về thăm thầy, đi gần tới nhà thầy thì lật đật xuống võng mà đi bộ vào nhà, rất mực cung kính đối với thầy học.

Năm Nhâm Dần (1842) cha mất, Thanh Giản thương tiếc vô cùng. Lúc về chịu tang, Thanh Giản tuy là một viên quan, song chỉ dùng một chiếc ghe thường mà đi. Khi ghe đi ngang Ba Lai, cai đồn kêu xét. Người bạn chèo bảo là ghe quan lớn. Người cai đồn vẫn nạt, nhất định kêu ghe phải ghé lại xét. Thanh Giản bảo bạn chèo cho ghe cặp bến, rồi lên trình đồn theo phép, không tỏ ra vẻ quan dạng gì cả. Viên cai đồn làm phận sự xong mới cho đi. Thanh Giản về đến nhà chịu tang xong rồi, một hôm cho đòi viên cai đồn Ba Lai đến. Người cai đến nơi nhìn biết cụ, lấy làm sợ sệt. Nhưng Thanh Giản mỉm cười:

– Người lo tròn phận sự ta khen lắm. Ta dạy người: từ đây cứ lo phận sự như thế. Dù là ghe quan lớn cũng cứ thi hành phận sự mà thôi.

Thanh Giản bèn tư tờ xin cho viên cai được thăng thưởng chức Chánh đội trưởng.

Những ngày cư tang, Thanh Giản thường ra mộ phần của cha mà lo sửa sang. Dân chúng trong làng thấy thế xin làm việc đào đất nhổ cỏ thay cụ, nhưng Thanh Giản bảo rằng:

– Đây là phận sự của tôi, để tôi làm. Cha mẹ sinh ta, nuôi ta, cực khổ nào có cậy ai.

Có một ngày kia Thanh Giản lên thăm mộ cha, đi đường gặp một người tên Cung đang vác tre đi phía trước. Chừng Cung dầy ngang qua, ngọn tre quất trúng cụ rách áo, trầy da. Cụ bèn lên tiếng bảo tên Cung hãy để cây tre xuống, và bảo đưa cái mác cho cụ. Cung thất sắc, lo lắng. Chẳng dè cụ tiếp lấy cái mác, rồi thản nhiên ngồi trảy nhánh, chặt ngọn tử tế, rồi bảo Cung vác đi, kéo để vậ còn đụng người khác nữa.

Đức độ của Thanh Giản đại để đáng kính, đáng yêu dường ấy, chả trách về sau này trở lên một trang rường cột của quốc gia cũng phải.

III. Nấc thang danh vọng

Phan Thanh Giản bắt đầu xuất chính từ năm Bính Tuất (1826), ngồi chức Hàn lâm viện biên tu, rồi cải bổ chức Tham hiệp ở Quảng Bình.

Năm Minh Mạng thứ 9 (Mậu Tý: 1828) mưa lụt. Thanh Giản dâng sớ xin... vua hãy sửa mình trau đức. Bị vua Minh Mạng quở.

Năm Minh Mạng thứ 12 (Tân Mão: 1831), Thanh Giản ngồi ghế Hiệp trấn tỉnh Quảng Nam. Bấy giờ trong tỉnh có giặc Mọi nổi lên do tên Cao Gông đốc chiến. Thanh Giản quân thua. Vua Minh Mạng quở trách, giáng Thanh Giản làm Tiền quân hiệu lực. Thanh Giản chẳng than van, bèn hết sức đương đầu với giặc. Năm sau, giặc yên, Thanh Giản được sung chức Hàn lâm kiểu thảo nội các hành tẩu, Hộ bộ Viên ngoại lang, rồi thăng Hồng lô tự khanh, kiêm công việc Hình bộ; và năm Minh Mạng thứ 13 (Nhâm Thìn: 1832), được cử làm Phó sứ sang nhà Thanh bên Tàu.

Năm Minh Mạng thứ 15 (Giáp Ngọ: 1834), sứ bộ sang Tàu về nước, Thanh Giản được thăng Đại lý tự khanh, sung Cơ mật viện Đại thần. Trong năm này, dân Cao Miên xâm địa hạt Châu Đốc. Vua Minh Mạng sai Đông các Trương Minh Giảng và Võ hiền Nguyễn Tri Phương đem binh vào đánh. Hai viên đại thần cả thắng, lấy đất đặt tên lại là Trấn Tây.

Sang năm sau (Minh Mạng thứ 16, Ất Vị: 1835), Thanh Giản được bổ làm Kinh lược Trấn Tây (Hà Tiên – Nam Vang). Làm xong phận sự, Thanh Giản trở về triều được sung chức Bồi chánh ở tỉnh Quảng Nam.

Năm Minh Mạng thứ 17 (Bính Thân 1836), tháng giêng, vua muốn chơi núi Ngũ Hành ở tỉnh Quảng Nam, Thanh Giản dâng sớ ngăn giá:

– Hạt dân nghe ngự giá sắp vào đều có lòng vui. Nhưng lúc này đang độ cấy cày, nếu lo công mà bỏ tư thì dân lấy chi được no ấm.

Vua Minh Mạng đọc sớ, đình cuộc du lãm Ngũ Hành Sơn, nhưng không bằng lòng nên nói với các quan Cơ mật rằng: “Thanh Giản thăm theo lời thầy Mạnh chỉ trích vua Tề”. Vua bèn sai Ngự sử Võ Duy Tân đến Quảng Nam xem xét tình hình dân sự.

Võ Duy Tân vốn phờng du mị, cru lòng độc. Tân dâng sớ tâu với vua rằng: “Nhân dân ai cũng trông vua. Trong tỉnh thì quan lại làm nhiều điều những tệ.”

Thế là Thanh Giản bị giáng làm Lục phẩm thuộc viên, giữ việc quét dọn các bàn ghế ở công đường tại Quảng Nam.

Vua hôn mụi. Nhưng Thanh Giản không phiền, chỉ đau lòng, lo làm phận sự quét dọn đến nỗi các quan cũng phải nhăn mày ngùi ngậm.

Năm Minh Mạng thứ 19 (Mậu Tuất: 1838), vì sơ ý kiểm soát không thấy có một tờ sớ vua phê mà quên đóng ấn, Thanh Giản lại bị giáng chức; vua sai ra coi việc khai mỏ vàng ở Quảng Nam và mỏ bạc ở Thái Nguyên.

Năm Minh Mạng thứ 20 (Kỷ Hợi: 1839), Thanh Giản được thuyên Thống Chánh sứ và Phó sứ, rồi chuyển làm Hộ bộ Thị lang. Bấy giờ có Vương Hữu Quang người gốc Gia Định, làm Tổng đốc Bình Định, dâng sớ xin thiêu hủy bốn tuồng *Lôi phong thập* là tuồng chủ ý phỉ báng trời đất thần linh. Vua Minh Mạng không bằng lòng. Triều đình cũng cho là lời tâu không chính đáng, có ý buộc tội Vương Hữu Quang. Thanh Giản không đồng ý với các quan Cơ mật, cực lực phản đối, làm sớ trần tình bày rõ lẽ chánh tà, công nhận lời Vương Hữu Quang là chân chính. Rốt lại lẽ phải phải thắng. Tuồng *Lôi phong thập* bị đốt. Vương Hữu Quang và Thanh Giản được khen ngợi trung chính. Nhất là Thanh Giản từ ấy rất được nể vì.

Đại Nam chính biên đã chép về Thanh Giản: “Ngộ sự cảm ngôn”. Nghĩa là: Gặp việc dám nói.

Năm Minh Mạng thứ 21 (Canh Tý: 1840), Thanh Giản sung chức Phó chủ khảo trường Thừa Thiên. Năm này vua Minh Mạng mất. Vua Thiệu Trị nối ngôi.

Năm Thiệu Trị thứ 2 (Nhâm Dần: 1842), nghe tin cha mất, Thanh Giản bôn tang.

Năm Thiệu Trị thứ 4 (Giáp Thìn: 1844), Thanh Giản được bổ Đô sát viện tả phó ngự sử, sung Cơ mật viện đại thần.

Năm Đinh Vị (1847), vua Thiệu Trị mất. Vua Tự Đức nối ngôi.

Tự Đức năm đầu (Mậu Thân: 1848), vua Đạo Quang nhà Thanh sai Chánh Án sát Quảng Tây là Lao Sùng Quang mang sắc phong sang nước ta.

Ngày được tin Lao Sùng Quang sắp đến, vua Tự Đức sắc sai đình thần đốc suất tráng đình làm sứ quán, dựng thể lâu, lo nghênh tiếp sao cho hiệp thể nước nhà, và cho xứng là một nơi văn hiến. Lao Sùng Quang là một vị Tiến sĩ, tài học vang lừng ở Trung Quốc. Vua Tự Đức thấy thể mới sắc cho đình thần góp nhặt những văn phẩm kiệt tác xưa nay, dồn thành một tập gọi là *Phong nhã thống biên*. Trong tập này, phần nhiều là văn thơ của hai thi hào lỗi lạc thời ấy là Tùng Thiện vương Miên Thẩm và Tuy Lý vương Miên Trinh.

Lúc Lao Sùng Quang mang sắc phong sang từ Nam quan vào đến kinh đô Huế, dọc đường từ trạm Thanh Khoa (Thanh Hóa) vào đến kinh đều có trần thiết hảnh hoi, kể có trên dưới 75 câu đối, mà phần nhiều do cụ Nhữ Bá Sĩ một danh nho ở Thanh Hóa soạn, rồi đệ về bộ cho cụ Phan Thanh Giản nhuận chính.

Chính cụ Nhữ Bá Sĩ có chép trong một tập bút lục của cụ về sự nghênh tiếp Bắc sứ, rằng:

Bắc sứ quán ở phía nam khe Lãn Thủy, nơi giáp giới tỉnh Thanh, tỉnh Nghệ. Bắc sứ đến Hà Nội, đi thuyền từ sông Nhĩ Hà vào đến tỉnh Thanh thì lên bộ. Từ trạm Thanh Khoa vào Nam đều có công quán. Bộ tư cho tỉnh: phàm công quán đều phải có đối liễn. Mỗi quán có 7 sớ: 1/ Nghi Mộng, 2/ Phương Đường, 3/ Bái Đường, 4/ Khâm sứ quan cư, 5/ Tả Hữu tùy gia, 6/ Hậu mạng quan cư, 7/ Tiền Lộ quan cư. Tất cả có 75 câu liễn giao tỉnh soạn, gửi về bộ nhuận chính rồi giao về tỉnh dán theo.

Được truyền tụng nhất là đôi liễn này:

Đề thần tự bắc nhi nam, Vương thần tự nam nhi bắc, qui lộ lai lộ.

Nhân giả dĩ đại sự tiểu, Trí giả dĩ tiểu sự đại, lạc thiên úy thiên.

Ông Lê Xuân thọ dịch nghĩa:

Tôi của Hoàng đế từ bắc sang nam, tôi của nhà vua từ nam sang bắc, lấy đường về làm đường tới.

Kẻ có nhân lấy lớn đãi nhỏ, kẻ có trí lấy nhỏ đãi lớn, khiến trời vui là sự trời.

Năm Tự Đức thứ 2 (Kỷ Dậu: 1849), nhà vua mở trường “Kinh niên”, bổ Phan Thanh Giản chăm nom việc soạn sách và giảng sách.

Năm Tự Đức thứ 4 (Tân Hợi: 1851), mấy tỉnh miền Nam dân sự nhiễu nhương, nhà vua sai Nguyễn Tri Phương và Phan Thanh Giản vào trấn đất Nam kỳ.

Khi hai họ Nguyễn, Phan vào Nam làm nhiệm vụ, vua Tự Đức thân tiễn, và trao một bài thơ ngũ ngôn ân cần:

Nông Nại long hưng địa

Tùng lai đức trạch thâm

Mao nghệ giai ngã tử

Bảo chương lại khanh tâm

Huyền thấn cầm nan lý

Cần bàng diệp tự thâm

Cam đường ưng bái bái

Trường sử hậu nhân ngâm.

Thượng Tân Thị dịch:

Đồng Nai là đất long hưng,

Xưa nay đức trạch đượm nhuần sâu xa.

Già trẻ đều con của ta,

Giữ gìn êm thấm nhớ mà lòng người.

Rắn dây đòn khải khó tươi,

Gốc sâu lá mới tốt tươi um tùm.

Cam đường phơi phơi bóng râm,

Khiến người sau có tiếng ngâm lâu dài.

Năm Tự Đức thứ 5 (Nhâm Tý: 1852), Phan Thanh Giản cùng với Nguyễn Tri Phương ở trong Nam dâng sớ về triều, trong đó có 8 điều. Đại lược:

- Xin chẳng nên gần gũi kẻ nịnh, thấp hèn lạnh lợi như chín đũa chầu chực hát xướng mà vua đang yêu vì. Xin đừng cho tìm mua châu ngọc quý báu; trong cơn đói lạnh không làm được áo cơm, trong cơn tranh chiến không làm được gươm giáo, đã tổn lại gây cho đình thần cái tính dưng lạ, nạp báu, để cầu thân. Xin bớt cho binh lính rảnh rang tập võ, kéo khi có giặc thì quân không tinh, chỉ làm bia đỡ đạn.

Vua Tự Đức xem sớ, tuy khen lắm và ban cho Thanh Giản một tấm kim khánh khắc bốn chữ "Liêm, Bình, Cần, Cán", nhưng còn việc chính thì vẫn không sửa đổi gì!

Nghĩ kỹ thì tầm mắt của Nguyễn Tri Phương và cụ Phan cũng đã thấy xa lắm rồi. Trong Nam, từ đời Minh Mạng, sau vụ án Lê Văn Duyệt, kế tiếp vụ Lê Văn Khôi công phần dấy loạn, tình thế trong nước thường không yên. Còn ở đàng ngoài, từ đời vua Minh Mạng, nhà vua đã mấy lượt hà khắc người phương Tây, nghi ngờ ghen ghét những người có binh quyền đến gây nên cái tệ án Lê Văn Duyệt, khiến cho mỗi nước chông chênh. Nay đến đời vua Tự Đức, có lẽ cụ Phan nghĩ cho nhà vua vẫn học tài ba ấy có thể là một bậc anh quân sớm biết sáng suốt nhận định thời cuộc, cho nên cụ mới cùng với cụ Nguyễn Tri Phương hằng nhắc nhở cho nhà vua: nhiệm vụ trị nước yên dân, và bao giờ cũng không quên nhắc đến việc: cần luyện tập binh lính để đủ sức khi phải dụng võ.

Nhưng việc đâu vẫn hoàn đấy. Trong triều vẫn không có sự sửa đổi gì cho nước mạnh dân giàu, mà cái học hư vẫn lại càng thêm thịnh.

Cho đến năm 1858, tiếng súng liên quân Pháp – Y đã bắn vào cửa Hàn kia thế mà đến năm Tân Dậu (1861), vua Tự Đức vẫn mới truyền cho các tỉnh chọn lấy những người khỏe mạnh để làm lính võ sinh. Và đến năm Ất Sửu (1865) lại mới mở ra khoa thi võ tiến sĩ.

Chết thật. Giặc tới bên nhà mới lo... rên dao, để cự với súng. Mà nói té tội. Dân ta cũng có súng chứ. Nhưng mà tới khi ấy, quân lính của mình mỗi đội có 50 người thì chỉ có 5 người cầm súng điều thương cũ, phải chằm ngòi mới bắn được. Chả trách dân ta phải ngậm hờn. Nhưng đó là việc sau, ở vào giai đoạn... Pháp – Việt giao binh.

Ở chương này, hăng chép về những việc của cụ Phan cho đầy đủ về đoạn đời của cụ trong khi vào trấn đất Nam kỳ lần thứ nhất.

Cụ Phan cùng với Nguyễn Tri Phương vào trấn đất Nam kỳ, hăng lấy làm lo, vì tự biết mình đã phải đương lấy trọng nhậm. Đối với toàn dư đồ Việt, hình thế Nam kỳ cũng như cuống họng. Giữ cho vững đất đai miền Nam tức là giữ vững cái mạng mạch của toàn Việt. Biết thế, nên hai cụ dốc lòng chăm lo việc hành chính cho vừa lòng dân chúng dưới quyền.

Ngoài việc hành chính, trong năm Tự Đức thứ 8 (Ất Mão: 1855) Thanh Giản dâng sớ xin lập miếu thờ cụ Võ Trường Toản nơi huyện Bình Dương, làng Hòa Hưng.

Cụ Võ Trường gốc người tỉnh Gia Định, huyện Bình Dương. Khi Tây Sơn dấy binh, cụ Võ ở ẩn dạy học. Nhiều danh thần triều Gia Long như Ngô Tùng Châu, Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhân Tịnh đều là học trò cụ. Hơn nữa, chính cụ đã gây nên cái học phong sĩ khí cho những thế hệ sau cụ. Từ những môn sinh cao đệ, cho đến những người như Nguyễn Đình Chiểu, Huỳnh Mẫn Đạt, Phan Văn Trị, sở dĩ đã hy sinh tận tiết vì nước nhà lúc bị xâm lăng đều là người có chịu ảnh hưởng của cụ. Trong lúc Nguyễn Ánh chống Tây Sơn, khắc phục được Gia Định rồi, thường triệu cụ Võ Trường đến bàn luận việc nước. Vua muốn phong quan tước cho cụ, cụ nhất định chỉ chuyên đạo luyện tinh thần đoàn hậu tấn. Vua rất khen và tiếc không được dùng tài cụ. Năm Nhâm Tý (1792) cụ Võ Trường mất tại làng Hòa Hưng (Gia Định). Đức Nguyễn Ánh truy tặng cho cụ huy hiệu "*Gia Định xử sĩ Sùng đức Võ tiên sinh*", lấy hiệu này khắc vào mộ chí cụ Võ; và một đôi liễn truy điệu:

Triều hữu huân danh, bán thuộc Hà phần cựu học

Đấu nam phong giáo, tề khâm Nhạc lộc dư uy.

Cụ Võ chết đi, không có con cái chi cả, nhưng mọi người đều mến mộ ân đức cụ, các học trò đều tôn kính cụ như cha. Cho đến về sau, khi Nguyễn Ánh lên ngôi, trong lục bộ Thượng thư cũng có lời truy niệm:

Sinh tiền giáo huấn đặc nhân, vô tử như hữu tử

Một hậu thịnh danh tại thế, tuy vong già bất vong.

Nghĩa: khi sống, dạy dỗ được nhiều người giỏi, tuy không con mà cũng như có con; lúc thác rồi, danh tiếng để lại trên đời, tuy đã mất mà thật là không mất.

Cụ Võ phẩm người như thế, cho nên cụ Phan Thanh Giản khi về trấn đất miền Nam, tưởng đến cái cao đức của người xưa, dù không là học trò cụ, cũng kính cụ Võ như bậc sư bá mà hết lòng tôn kính sùng bái. Và về sau khi ba tỉnh miền đông (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường) thuộc Pháp, cụ Phan cũng không quên đến nắm di hài của cụ Võ mà cùng với các ông Đốc học tỉnh Vĩnh Long là Nguyễn Thông tổ với Hiệp trấn An Giang là Phạm Hữu Chánh, giao cho Tú tài Võ Gia lo việc cải táng hài cốt của cụ Võ. Đến ngày 28 tháng 10 năm Tự Đức thứ 18 (Ất Sửu: 1865), linh cữu cụ Võ Trường được dời về mai táng ở làng Bảo Thạnh là quê hương của cụ Phan; và nơi đây vẫn còn là đất của dân ta. Rồi hai năm sau, ngày 28 tháng 3 năm Đinh Mão (1867 – Tự Đức thứ 20), chính tay cụ Phan soạn một bài văn bia định khắc ở mộ cụ Võ Trường. Nhưng

buổi bẩy giờ tình hình trong nước đã bị liên quân Pháp – Y làm rối quá nhiều. Cho nên thợ khắc chưa rồi thì đến tháng bảy năm này, vì thất luôn ba tỉnh phía tây mà cụ Phan có nhiệm vụ gìn giữ, cụ phải ngậm ngùi tuần tiết. Thế là công việc dựng bia cho cụ Võ Trường bị ngưng trong một thời gian. Về sau ông Trương Ngọc Lang đứng ra lo việc mượn thợ khắc bia đến rằm tháng tám năm Nhâm Thân (1872) mới rồi. Và sợ người sau lầm lẫn, ông Trương Ngọc Lang còn có khắc thêm mấy chữ “Tiên Nhâm Tý chí Nhâm Thân cộng bát thập nhất niên”. Nghĩa là khi cụ Võ Trường mất là năm Nhâm Tý (1792) đến năm Nhâm Thân (1872) mới dựng bia xong, cộng 80 năm, tính theo ta thì là 81 năm.

Bài văn bia của cụ Phan Thanh Giản rất nghiêm thiết:

... Tiên sinh không khứng ra làm quan, nên đại khái không thấy được sự nghiệp. Từ thuở Tiên sinh lấy lối học nghĩa lý để giáo hóa, chẳng những đương thời đào tạo được nhiều bậc nhân tài, mà còn truyền thuật giảng luận trau dồi về sau. Tới nay trong dân gian lục tỉnh Nam kỳ tỏ lòng trung nghĩa, cảm phát dấm hy sinh tới tính mạng, xét kỹ ra tuy nhờ đức thân nhân của quân vương nhuần gội cổ kết nhân tâm, nhưng nếu không có công đức mở mang huấn dụ của Tiên sinh từ thuở trước, thì làm sao có được nhân tâm như thế ấy...

Cái chỗ dụng ý và dụng tâm của cụ Phan là khích lệ nhân tâm. Đã tỏ lòng sùng bái người cao đức để treo gương, cụ Phan lại tưởng niệm đến trang nghĩa liệt nữ để gây lòng trung nghĩa cho binh sĩ. Như cụ đã tưởng niệm Mai Bá Hương, người làng Tân Hương (Cái Quao, Trà Vinh) làm chức xá lại.

Khi Nguyễn Ánh đánh nhau với Tây Sơn ở Nam kỳ, Mai Bá Hương vâng lệnh quản đốc một đoàn thuyền tải lương về Gia Định. Trước ông định đi ngả Thủ Thừa, nhưng không được, ông trở lại đi ngả Bao Ngự. Đến khúc sông làng Bình Ninh, cách vàm Nhật Tảo bốn năm nghìn thước thì gặp chiến thuyền Tây Sơn chặn đánh. Trong lúc nguy cấp, không thể chống cự nổi mà cũng không thể để mất lương về tay đối thủ, ông bèn truyền lệnh cho đụt thuyền nhấn chìm tất cả. Ông cũng tử tiết.

Đến khi cụ Phan Thanh Giản về trấn đất Nam kỳ, cụ mới đề vào miếu Mai Bá Hương một đôi liên truy niệm;

Nghĩa báo nam thiên, cương thượng thường bồi cao tiết

Khí hiềm tây tặc, giang tiền do khởi nộ phong ba

Ông Đông Hồ đã dịch:

Thờ vua hết dạ thẳng ngay,

Gò cao tiết nghĩa càng ngày càng cao.

Hiềm xưa hận cũ tuôn dào

Dòng sông sóng giận ào ào chưa nguôi.

Đương lấy trách nhiệm chặn dân ở miền Nam, Phan Thanh Giản tự biết là không dễ, nên lúc nào cũng tự mình làm gương. Nhưng việc nước cứ mãi dồn dập nặng nề dường quyết buộc chết thân ấy. Nhưng việc càng khó, giá cụ Phan càng cao.

Cho đến khi tiếng súng Pháp – Y bùng nổ...

IV. Pháp - Việt giao binh

Tiếng súng mở màn cho cuộc Pháp – Việt giao binh là tiếng súng đại bác ở chiếc chiến thuyền “Catinat” do Leheur de Ville-sur-Arc chỉ huy.

Nguyên người Pháp lấy cớ triều đình Việt Nam chém giết giáo sĩ, mới sai Leheur de Ville-sur-Arc đem chiến thuyền Catinat vào cửa Đà Nẵng (Tourane), rồi cho người đem thư lên trách triều đình Việt Nam về việc giết các cố đạo. Triều đình Việt Nam không trả lời hẳn hoi. Quân nước Pháp bèn bắn phá các đồn lũy ở Đà Nẵng rồi bỏ đi. Ấy là trận mở màn, nhằm tháng 8 năm Bính Thìn (1856) là năm Tỵ Đức thứ 9.

Chiến thuyền Catinat đi rồi, dưới thuyền có vị Giám mục Pellerin đã trốn được vua quan ta mà theo Leheur de Ville-sur-Arc về Pháp. Sau đó ba tháng, sứ thần Pháp ở Xiêm là ông Montigny lại sang nước ta để điều đình mọi việc. Tàu của Montigny đi vào đóng ở cửa Đà Nẵng, rồi cho người đưa thư lên, đại khái nói: xin cho người nước Pháp được tự do đi lại buôn bán, đặt Lãnh sự ở Huế, mở cửa hàng buôn bán ở Đà Nẵng, và cho giáo sĩ được tự do đi giảng đạo. Nhưng triều đình nước ta bác tất cả.

Bấy giờ, ở nước Pháp Nã-phá-luân đệ tam (Napoléon III) lên làm vua. Nhân có Giám mục Pellerin xin vào bệ kiến, kể tình hình cấm đạo ở Việt Nam, lại có ông chủ giáo thành Rouen là Mgr de Bonnechose và Hoàng hậu Eugénie nói vào, Napoléon III mới quyết ý sai quan đem binh sang đánh nước ta.

Trước khi thuật đến chuyện Việt – Pháp giao binh, giờ ta hãy giở lại đoạn sử cấm đạo để xem kỹ, hầu chiêm nghiệm xem nó có phải là cái nguyên nhân gây chiến như hầu hết các sách đều nói chăng?

Như chúng ta đã biết, hai nước Pháp – Việt bắt đầu giao thiệp thân mật là từ đời đầu nhà Nguyễn, giữa Nguyễn Ánh và đức Giám mục Bá-đa-lộc (Evêque d’Adran). Và Pháp – Việt ký tờ giao ước đầu tiên tại Versailles ngày 28-11-1787, triều vua Louis XVI. Nhưng tờ giao ước không thi hành được, chỉ có Bá-đa-lộc tự đứng ra lo giúp cho Nguyễn Ánh mà thôi. Sau đó, khi Nguyễn Ánh lên ngôi, nước Pháp tiếc ngẩn ngơ vì đã để mất cơ hội xen vào việc ở Viễn Đông. Tuy nhiên, bấy giờ cũng có nhiều người, hoặc trong chính giới, hoặc trong thương giới đã nhiều lần bàn bạc lo tính lại việc sang giao thiệp với nước Việt Nam. Nhưng khi ấy nước Pháp có loạn luân. Louis XVI bị truất ngôi, cuộc cách mạng 1789 thành công. Việc nước họ bộn bề, chính phủ họ không rảnh lúc nào mà nghĩ tới việc Viễn Đông được. Đến khi Nã-phá-luân đệ nhất lên cầm quyền nước Pháp (1804-1814), ngang với triều vua Gia Long ở nước ta (1802-1820), Nã-phá-luân cũng có ý gây thế lực nước Pháp ở Viễn Đông để đối địch với người Anh cũng đang gây thế lực ở Ấn Độ. Nhưng Nã-phá-luân cũng không rảnh mà lo việc Viễn Đông được, vì còn bận đánh dẹp ở châu Âu. Rồi Nã-phá-luân thất thế. Họ vua cũ phục hưng (La Restauration) vua Louis XVIII lên ngôi nước Pháp trong năm 1815. Thủ tướng nước Pháp bấy giờ là Richelieu mới viết một bức thư cho Chaigneau (đang làm quan ở triều đình vua Gia Long nước ta), thư đề ngày 17-9-1817, trong nói rằng:

Có mấy người đi buôn bằng tàu nước ta đã sửa soạn hoặc định sửa soạn cho tàu bè sang xứ Bắc kỳ và xứ Nam kỳ. Chính phủ có khuyến khích những cuộc thí nghiệm ấy, mong rằng những cuộc ấy khiến cho ta gây nên một cuộc thông thương vĩnh viễn ở các xứ ấy. Ông (Chaigneau) có thể hiệp với ý kiến của chính phủ, trước hết nhân địa vị của ông, dùng các cách mà làm cho công cuộc của các nhà thương mại ta được thành tựu, sau nữa ông cho tôi biết rằng cần phải làm những thế nào nữa để đạt tới mục đích của những nhà ấy, nghĩa là sự lập thành cuộc thông thương vĩnh viễn và thường thường với xứ ông đang ở đó.

(Theo tài liệu của Dương Quảng Hàm)

Thế là nước Pháp đã cậy Chaigneau làm tay trong để dọn đường cho cuộc giao thiệp Pháp - Việt sắp tới. Mà Chaigneau có thành công không? Thì đây:

Sau khi Chaigneau tiếp thư của Richelieu trong tháng 9 thì cũng ngay trong tháng ấy, một chiếc tàu buôn Pháp là La Paix của một công ty thành Bordeaux sang Việt Nam. Ít lâu lại có chiếc Henry đến. Rồi trong tháng 12 thì có chiếc tàu binh Cybèle đến cửa Đà Nẵng nữa. Đến chi đây, tàu binh để ủng hộ tàu buôn chẳng?

Sử chép:

“Hai chiếc tàu buôn (La Paix và Henry đã nói trên) chở hàng hóa sang bán. Chẳng may những hàng ấy không thích hợp với người Việt, nên không bán được hết và mua đủ hàng trở về. Đức Gia Long thấy thế xá cả thuế cho, và bảo kê rõ cho các thứ hàng nên chở sang, ngài sẽ tiếp đãi tử tế.”

Chẳng bao lâu thì tàu Pháp cũng lại sang. Lẽ cố nhiên. Cho nên năm 1819, chiếc Henry lại sang cùng với chiếc Larose. Lần này, Chaigneau lấy cớ là nhớ quê hương, mới xin phép vua Gia Long cho về Pháp, xuống tàu Henry trong tháng 11. Không nói nhưng chắc ai cũng biết thế nào Chaigneau cũng mang tin tức về cho Chính phủ Pháp.

Chaigneau về Pháp năm 1819. Sang năm 1820, vua Gia Long băng. Vua Minh Mạng lên nối ngôi.

Đến tháng giêng 1821, vua Louis XVIII lại cử Chaigneau sang Việt Nam với sứ mạng: Lãnh sự ở Huế.

Theo phép lịch sự, sang tới Việt Nam, Chaigneau vào bệ kiến đức Minh Mạng, dâng lễ vật nói là của vua Pháp kính tặng nhà vua: 1 chiếc đồng hồ mạ vàng, 2 chân đèn có nhiều ngon, 2 cái bồn bằng đồng mạ vàng, 16 bức ảnh về các trận, 1 khẩu súng rất đẹp để trong hộp quý, 2 cây súng lục, 1 tấm gương to.

Vua Minh Mạng nhận lễ vật, nhưng vẫn tỏ ý lãnh đạm nghi ngờ. Mà nhà vua nghi ngờ cũng có lý. Một phần vì tàu Pháp đi lại nhộn nhịp, một phần vì thấy Chaigneau thường biên thư luôn về Pháp.

Năm 1822, một chiếc tàu chiến Pháp tên Cléopâtre đến cửa Đà Nẵng. Thuyền trưởng là Courson de la Ville Héllio xin vào yết kiến. Vua Minh Mạng không cho, mà cũng không sai quan tiếp đãi gì cả.

Lại một khi có sứ thần nước Anh xin vào chầu, nhà vua cũng từ chối. Còn một điều này nữa: từ đời vua Gia Long, theo lệ thường năm, các cố đạo ngoại quốc đến ở trong nước Việt, cứ ngày Tết thì họp nhau làm lễ dâng mừng tuổi vua. Đến đời Minh Mạng, nhà vua truyền bỏ lễ ấy, làm hẳn ra mặt cự tuyệt, khinh bỉ, ghét bỏ. Các người Âu đều lấy làm lạ về thái độ của nhà vua. Nhà vua vẫn thản nhiên làm như không hay biết sự giận tức của người nước ngoài. Cho nên hai ông Chaigneau và Vannier là hai người Pháp đã giúp rất nhiều cho nhà Nguyễn, làm quan nhà Nguyễn, và cũng mang tên Việt Nam là Nguyễn Văn Chấn và Nguyễn Văn Thắng, thế mà vua Minh Mạng vẫn ngang nhiên lần để lộ ý không muốn dùng họ nữa.

Chaigneau và Vannier thấy nhà vua đã xử lạt lẽo, lại thêm các quan ghét ghen, tự biết không nên ở lâu nữa. Ngày 15-11-1824, Chaigneau và Vannier xin nghỉ, xuống tàu về Pháp.

Thế là trong triều đình Việt Nam, không còn một người Pháp nào nữa. Trước kia, khi Bá-đa-lộc làm trung gian cho Pháp - Việt giao hảo, thì vị Toàn quyền ở Ấn Độ là De Conway can ngăn vua Pháp không nên giúp binh cho Nguyễn Ánh, nên tờ giao ước Versailles không thi hành. Song Bá-đa-lộc thấy xa, nhất định không bỏ cơ hội tốt cho người Pháp có mặt ở Viễn Đông, mới lạnh trí tính thuê ngay hai chiếc tàu ở Ấn Độ, rồi rủ nhiều người Pháp sang Việt Nam, gồm có: Đại tá Ollivier, Thủy sư D'Ayot, bác sỹ Despiaux, kỹ sư Théodore le Brun, Trung úy Barizy, Đại úy

Girard de l'Ille-Sellé và các Thiếu úy Guillon, Guilloux, Chaigneau, Vannier, De Forcant v.v... Rồi đến khi vua Gia Long lên ngôi, vì lẽ không đồng ngôn ngữ phong tục nên các quan ta và Pháp ghét nhau, đến nỗi họ bỏ đi gần hết. Tới năm 1809 chỉ còn lại vài người là Ollivier, Chaigneau, Vannier và De Forcant. De Forcant lại chết sớm. Chỉ còn ba người ở lại và chịu mang cái tên Việt Nam là: Ollivier tên Việt là Nguyễn Văn Phụng, Chaigneau là Nguyễn Văn Chấn, Vannier là Nguyễn Văn Thắng. Họ cũng cưới vợ người Việt.

Rồi, như ta đã biết, năm 1824 Chaigneau và Vannier về Pháp. Triều đình Việt Nam từ ấy hoàn toàn không còn người Pháp dự vào. Điều ấy đáng mừng cho Việt Nam hay đáng lo? Ở tập sách này vấn đề ấy không thuộc phạm vi nên không đề cập đến, chỉ tóm sơ lược để chúng ta hiểu rõ hơn cái nhiệm vụ khó khăn sau này mà cụ Phan Thanh Giản phải gánh.

Chaigneau và Vannier đi rồi, vua Minh Mạng cảm thấy như đã nhổ được cái gai ở mắt.

Năm 1825 lại có một chiếc tàu chiến Pháp tên Thétés đến cửa Đà Nẵng. Thuyền trưởng là De Bougainville có đem một bức thư của vua Pháp, xin vào yết kiến. Vua Minh Mạng sai đem phẩm vật cho Bougainville, nhưng không nhận thư, nói rằng không có ai dịch được thứ chữ Pháp. Thế là hết chuyện.

Cũng trong năm ấy, có một giáo sĩ tên Rogerot cùng sang Việt Nam trên chiếc thuyền Thélés, ở lại Việt Nam để đi giảng đạo. Vua Minh Mạng hay tin ấy cả giận. Ngày 18-2-1825 nhà vua hạ dụ cấm đạo. Ấy là đạo dụ thứ nhất nói về việc cấm đạo. Lời dụ rằng:

Tà đạo của người Tây làm hư hoại lòng người. Đã lâu nay nhiều chiếc tàu của người Âu châu sang đây buôn bán thường để lại các người đạo sĩ ở đây. Các người ấy làm mê hoặc lòng dân và bại hoại phong tục. Như thế chẳng phải là cái tai họa lớn cho nước ta ru? Vậy ta nên ngăn cấm các điều bậy bạ ấy để khiến cho dân ta theo về chính đạo.

Khâm thư

Năm 1826, Chính phủ Pháp lại sai cháu ông Chaigneau sang làm Lãnh sự. Vua Minh Mạng vẫn không nhận. Đến năm 1829, Lãnh sự Pháp không kham chịu sự bạc đãi, lại phải về nước. Từ đó trở đi, Pháp - Việt tuyệt giao. Nhưng về việc buôn bán, thỉnh thoảng các tàu buôn nước ngoài cũng có đến Sài Gòn, vì ở đây có Tổng trấn Gia Định thành là Lê Văn Duyệt coi giữ, có ý bênh vực người Pháp hơn. Và cũng vì thế mà về sau Duyệt cũng bị vua Minh Mạng ngờ luôn nên gây nên thảm án và thảm họa nội loạn Lê Văn Khôi vậy!

Tháng giêng 1833, nhà vua lại hạ dụ cấm đạo lần thứ hai:

Ta truyền cho tất cả các người đi đạo từ quan đến dân, nếu biết sợ oai quyền ta thì phải thật lòng bỏ đạo. Các hàng quan lại phải xem xét các giáo dân ở hạt mình có vâng theo thượng lệnh không, và bắt họ phải đứng trước mặt mà dẫm chân lên câu rủa, xong rồi hẵng tha cho lần này. Còn các nhà thờ cùng các nhà ở của giáo sĩ thì phải triệt phá đi hết. Sau này còn có người dân nào phạm tội theo tà đạo ấy, thì trừng phạt rất nghiêm để cho tiết gốc loạn.

Về phần giáo sĩ và giáo dân, kết quả như thế nào, khỏi phải nói nhiều, hễ ai cũng biết.

Tháng giêng 1836, nhà vua lại hạ dụ cấm đạo lần thứ ba:

Hễ giáo sĩ người Âu nào bắt được trên tàu khách vào trong nước thì phải xử tử. Hễ giáo sĩ người Âu nào bắt được ở trong nước cũng phải xử tử. Những người nào giấu giếm các người ấy ở trong nhà cũng phải xử tử. Nội các quan hễ có án tố giác ra một người đạo sĩ nào ở trong hạt mình cũng phải xử tử, vì đã không biết tìm hết các cách để bắt lấy.

Một mặt ban dụ, một mặt nhà vua lại sai Phan Thanh Giản soạn các huấn điều để dạy dân, ấy là tập *Minh Mạng chính yếu*.

Triều đình Việt thi hành chính sách đối đãi gắt gao với giáo sĩ và giáo dân. Triều đình Pháp phản kháng, nhưng vô hiệu quả. Ngọn lửa hiềm khích cừ thù nhóm khởi, hăm dọa bao nhiêu tính mạng con người.

Vua Minh Mạng vẫn biết thế nào rồi cũng phải giao thiệp với Tây phương; muốn cho dịu bớt tình hình đang căng thẳng, nên năm 1838, nhà vua sai sứ sang Pháp điều đình. Nhưng sứ bộ Việt Nam sang tới Pháp, vua Pháp không tiếp. Vì sao? Bởi một lẽ rất dễ hiểu là vua Pháp bấy giờ là Louis Philippe (1830-1848) vì có Hội ngoại quốc Truyền giáo (Société des missions étrangères) can thiệp vào tình hình Việt - Pháp.

Biết là ở lại cũng vô ích, thêm nhục quốc thể, sứ thần ta phải trở về. Ấy là lần đầu tiên nước ta phái sứ sang Pháp, và sau này sứ bộ Phan Thanh Giản sang Pháp là lần thứ hai. Nhưng đó là việc sau, sẽ chép rõ ở đoạn sau.

Giờ ta hãy xem việc hành động của vua Minh Mạng. Phái sứ thần điều đình, việc không xong, nhà vua chắc cũng tự biết, nhưng vẫn phải phái đi cho ra thể thống một dân nước văn hiến biết lễ nghĩa. Trong khi sứ thần còn ở Pháp, bên này nhà vua hăng cũng chuẩn bị đối phó với tình hình chuyển biến. Nhưng chẳng được bao lâu, khi sứ thần thất bại vừa trở về Huế thì nhà vua đã mất (11-1-1841).

Vua Thiệu Trị nối ngôi. Để gây lại tình thân thiện Pháp - Việt, vua Thiệu Trị khi vừa lên ngôi thì hạ lệnh tha cho nhiều cố đạo bị giam cầm chưa đem hành hình, rồi cho họ xuống tàu Héroïne về Pháp. Tình hình dịu bớt một ít lâu.

Ngày 25-2-1843, thuyền trưởng tàu Héroïne là Favin Lévêque lại xin tha cho 5 giáo sĩ: Berneux, Miche, Chavier, Galy, Duclos. Triều đình Việt trước còn thoái thác nhưng sau cũng tha cả.

Năm 1845, Triều đình ta có bắt một vị Giám mục tên Lefèvre, khép án xử tử. Bấy giờ có một sĩ quan hải quân người Mỹ đứng ra xin tha mãi không được, liền báo tin cho vị Thiếu tướng Hải quân coi đạo thuyền nước Pháp tại khu biển Trung Hoa và Nhật Bản là Cécile. Thiếu tướng Cécile được tin, ngày 12-6-1845 đi tàu Alemene sang xin cho, Giám mục Lefèvre mới được tha.

Tưởng thế là êm. Chẳng ngờ cũng vì việc truyền giáo mà rồi lại khiến cho hai dân tộc bạn phải đi đến nước làm đổ máu nhau một cách đau lòng.

Nguyên năm 1847, Chính phủ Pháp lại sai Đại tá Lapierre chỉ huy tàu chiến Gloire và Trung tá Rigault de Genouilly chỉ huy tàu chiến Victorieuse đến cửa Đà Nẵng, lấy lẽ là vâng lệnh vua Pháp xin Triều đình Việt Nam hãy bỏ những dụ cấm đạo và cho người trong nước được theo đạo tự do.

À, thì ra sứ mạng của họ chỉ có thế. Nhưng làm gì mà như chực đánh nhau ấy, chi mà phải đem sang đến hai tàu chiến và tướng võ chỉ huy. Hay định dùng võ lực cưỡng ép buộc ta phải theo? Hay sợ vua quan ta không khứng rồi hành hung nên họ phải dự phòng?

Khó hiểu. Và cũng vì khó hiểu, Triều đình Việt Nam cũng phải ngửa trước mà lo phòng thủ: sửa soạn chiến thuyền, đem tinh binh túc trực ở các đồn lũy.

Ta nghi họ. Họ nghi ta. Việc thương thuyết chưa xong thì súng nổ. Ai bắn trước? Sử chép:

“Ngày 15-4-1847, vì thấy quân ta sửa sang trên bộ dưới nước, nghi rằng quân ta sẽ khởi thế công, quân Pháp ra tay, khạc đạn đại bác làm đắm cả các chiến thuyền của ta.”

Chưa hết bất hòa, lại bất hòa. Vua Thiệu Trị nổi xung, bao nhiêu đồ đạc kỷ niệm quý báu của người Pháp đều đem ra hủy phá hết. Và trong dân gian lại được nghe một đạo dụ ghê hồn:

Bắt hết các giáo sĩ và giết hết các người phương Tây ở trong nước. Cứ mỗi đầu người Pháp là 30 đĩnh bạc, ai chém được nhiều ít tùy theo số mà lãnh thưởng.

Trong cuộc đánh nhau vì quyền lợi, tình cảm và lý lẽ không có chỗ đứng, và không phải là chuyện bàn được rõ trắng đen ai phải quấy. Chỉ nên than dài, hỡi trời! Nhân loại tương tàn hầu như là một nghiệp chương nghìn đời phải chịu chuyển luân!

Giữa lúc đất nước dậy sóng gió, thành linh vua Thiệu Trị nhuốm bệnh rồi băng ngày 4-11-1847.

Người lên nối ngôi là vua Tự Đức. Tượng xe trước nghiêng xe sau khéo tránh, nào hay cũng vẫn loanh quanh trong vòng cấm, giết. Ngay trong Tự Đức năm đầu, nhà vua hạ một tờ dụ:

Đạo Gia Tô, trước kia hai vua Minh Mạng, Thiệu Trị đã cấm, thật là một tà đạo, vì theo đạo ấy thời không thờ phụng tổ tiên, lại lấy mất những người sắp chết để làm thứ nước phép mà làm mê lòng người, còn làm nhiều điều dị đoan ghê gớm nữa.

Vậy các giáo sĩ người phương Tây là kẻ có tội nhất, thì buộc đá vào cổ mà ném xuống bể. Ai bắt được một người thời thưởng cho ba mươi nén bạc. Các giáo sĩ bản quốc tội nhẹ hơn các người kia thì đem tra hỏi xem có chịu bỏ điều làm lỗi không. Bằng không chịu thì đem khắc chữ vào mặt và đem dày vào những chỗ nước độc. Còn những người dân theo đạo mà không chịu bỏ, đều là những đứa ngu dốt khốn nạn, bị mấy kẻ giáo sĩ làm mê hoặc, tình thật đáng thương, vậy trẫm vì lòng thương dân truyền không nên chém giết hoặc đem dày hoặc bỏ tù những kẻ ấy nữa. Các quan chỉ nên trừng trị nghiêm ngặt rồi lại cho về quê quán.

Tháng ba năm 1851, vua Tự Đức lại hạ một đạo dụ cấm đạo, thêm ngặt hơn lần trước.

Những ai giết cứ giết. Giáo sĩ truyền đạo vẫn còn thấy lên trốn và cứ dạy đạo trong dân gian.

Làm sao bây giờ? Chả lẽ giết hết. Mà làm sao giết cho hết lòng tin ngưỡng. Vua Tự Đức dù có tiếng là vị vua văn học sáng suốt cũng phải chịu, không phương diệt lòng tin ngưỡng của con người; cực chẳng đã phải xuống dụ hỏi ý các quan coi phải đối phó thế nào. Vì thật ra thì nhà vua cũng như hai vua Minh Mạng, Thiệu Trị khi trước, không phải có lòng ghét đạo, mà chỉ sợ cho dân chúng mê đạo rồi sẽ làm nội ứng cho nước ngoài xâm lăng.

Chỉ có thể. Và chỉ vì thế mà nước ta bị nhiều điều rối rắm để đến nỗi người nước ngoài lợi dụng tình thế, mượn cớ mà dụng võ để kiếm lợi quyền, cái lợi quyền xây trên xương máu của hai dân tộc Pháp - Việt là hai dân tộc đáng lý phải là hai dân tộc bạn thân yêu từ đời Gia Long. Nhưng chỉ vì thiếu thành thật, lại thêm lắm nghi ngờ mà ra có sự?

Tháng chín năm 1855, vua Tự Đức lại ban một đạo dụ cấm đạo nghiêm ngặt khốc liệt.

Đến đây, tính ra từ đời vua Minh Mạng thì có bốn đạo dụ, Thiệu Trị một, và Tự Đức thì cũng được ba phen ban dụ rồi.

Kết quả như thế nào? Chẳng những không trừ được hết, lại còn khiến người nước ngoài lấy cớ để đến. Ngày 16 tháng bảy 1856, Leheur de Ville-sur-Arc ngồi tàu Catinat sang đệ thư trách. Vua Tự Đức không tiếp. Các quan không nhận chuyển đệ thư tín. Leheur de Ville-sur-Arc ra lệnh bắn đôn! Rồi bỏ đi Hương Cảng.

Cũng trong năm 1856, sau khi tàu Catinat bỏ đi, tới tháng chạp, một tàu chiến Pháp tên Capricieuse lại đến. Rồi cũng không nên được việc gì, lại bỏ đi.

Tháng giêng năm 1857, Charles de Montigny sau khi làm tròn nhiệm vụ sứ thần, vâng lệnh Nã-phá-luân đệ tam sang Xiêm ký một tờ thương ước và hòa ước, sang Cao Miên thương thuyết về vấn đề truyền giáo, rồi lại sang ta. Trong khi ấy, vua Tự Đức sai đắp đôn lũy ở dọc sông Hương và đem quân đến Đà Nẵng. Charles de Montigny đến nơi thì cũng không xin hỏi được gì cả. Đến

tháng hai, Montigny bỏ đi Hương Cảng. Trước khi đi, Montigny có viết một bức thư gửi vua Tự Đức, trong đó có lời dọa hễ còn giết chóc nữa thì nước Pháp tất dùng quân lực sang đánh.

Được thư, nhà vua nổi giận lên. Tháng bảy năm 1855, lại thêm một đạo dụ thứ tư, đối với người còn theo đạo, tuyển bổ dụng cực hình.

Cả Pháp lẫn Việt, hết cả nhân tình! Lại thêm một nước Y-pha-nho (Espagne), nhân vì giáo sĩ người Y cũng có bị giết hại, thấy thế cũng xui Pháp hưng binh, hứa giúp cho một tay.

Khi ấy, sẵn đã có một đội tàu chiến Pháp đã qua Trung Quốc để hiệp với tàu chiến Anh ra oai dẹp phong trào bài ngoại mới phát lên ở tỉnh Quảng Đông, vua Nã-phá-luân đệ tam mới truyền lệnh cho tướng chỉ huy đoàn tàu ở Quảng Đông là Thủy sư Đề đốc Rigault de Genouilly hãy sẵn sàng sang Nam, tìm phương lược đối phó.

Được lệnh, tháng 7 năm Mậu Ngọ (1858) nhằm năm Tự Đức thứ 11, Rigault de Genouilly chỉ huy liên quân Pháp - Y độ 3.000 người với 14 tàu chiến, kéo đến cửa Đà Nẵng.

Không nói năng gì nữa, súng thay người lên tiếng. Liên quân Pháp - Y vừa tới nơi thì xả súng bắn liền, rồi lên hạ thành An Hải và thành Tôn Hải.

Triều đình họp nghị, sai Đào Trí và Tổng đốc Nam Nghĩa là Trần Hoằng ra đánh. Đào Trí đem quân đến nơi thì hai thành ấy đã mất rồi. Triều đình lại sai Lê Đình Lý làm tổng thống đem 2.000 cấm binh vào án ngữ.

Lê Đình Lý đánh với quân Pháp một trận ở xã Cẩm Lệ, bị đạn, về được mấy hôm thì mất.

Vua Tự Đức liền sai Kinh lược sứ là Nguyễn Tri Phương làm tổng thống, Chu Phúc Minh làm Đề đốc, dẫn quân họp với Đào Trí chống với liên quân Pháp - Y.

Nguyễn Tri Phương lập đồn Liên Trì và đắp lũy dài từ Hải Châu cho tới Phúc Ninh.

Rigault de Genouilly vẫn có ý tiến quân lên đánh Huế, nhưng nghe thấy quân ta chống giữ ráo riết nên không dám mạo hiểm.

Rigault de Genouilly bèn cho người dò thám tình hình, biết rằng đất Nam kỳ béo bở, Genouilly mới đổi chiến lược định vào Nam đánh lấy Sài Gòn.

Tháng giêng năm Kỷ Vị (1859) nhằm năm Tự Đức thứ 12, Rigault de Genouilly giao quyền cho Đại tá Toyon ở lại giữ các đồn tại Đà Nẵng, rồi còn bao nhiêu binh thuyền đem vào Nam kỳ.

Quân Pháp tiến binh vào Nam, tới cửa Cần Giờ bắn phá pháo đài ở hai bên bờ sông Đồng Nai, rồi tiến lên đánh thành Gia Định.

Quan Hộ đốc là Vũ Duy Ninh vội vàng tư đi các tỉnh lấy binh về cứu viện, nhưng chỉ trong hai ngày thì thành vỡ, nhằm ngày 19 tháng hai năm 1859.

Rigault de Genouilly chiếm thành Gia Định, đốt cả thóc gạo và đàn phẳng thành trì làm bình địa, sai Trung tá Jauréguiberry đem quân ở lại chống giữ với đạo quân ta ở Biên Hòa do Tôn Thất Hợp chỉ huy. Còn Rigault de Genouilly lại đem quân ra Đà Nẵng, tiến đánh một trận ở đồn Phúc Ninh.

Vào lúc này, nội chính, ngoại giao ở nước Pháp đều rối rắm. Cho nên khi hạ thành Gia Định rồi, Rigault de Genouilly có gửi tin điện về Pháp xin viện binh. Nhưng Binh bộ Thượng thư đã trả lời:

Hồi này nhà nước không có thể nào tiếp tế cho tướng quân thêm một tên lính hay một chiếc tàu cũng vậy. Thôi, tốt hơn là tướng quân liệu bề thương thuyết điều đình với chính phủ nước Nam

cho xong. Nếu họ cam đoan từ nay trở đi không ngược đãi tín đồ Thiên Chúa nữa, thì chúng ta chỉ có việc trả lại thành trì cho họ rồi rút binh đi về là hơn.

Cố nhiên Rigault de Genouilly không dám liều lĩnh khinh chiến. Nhưng cuộc giảng hòa cũng không xong. Chỉ vì đã trót làm đổ máu nhau rồi.

Quân Pháp không quen thủy thổ, dần sinh bệnh. Rigault de Genouilly sinh lo, tự động về Pháp.

Chính phủ Pháp sai Hải quân Thiếu tướng Page sang thay Rigault de Genouilly.

Tháng 10 năm Kỷ Mùi (1859) Thiếu tướng Page sang đến nơi. Nhưng việc giảng hòa cũng không xong. Thiếu tướng tiến binh đánh. Quân ta kháng cự, giết chết một viên Lục quân Trung tá là Dupré Déroulède.

Đang khi liên quân Pháp – Y hoành hành ở nước ta, thì liên quân Pháp – Anh cũng đang đánh nước Tàu ở mạn Hoàng Hải. Bấy giờ, Chính phủ Pháp lo về mặt nước Tàu hơn, mới gửi tin điện truyền cho Thiếu tướng Page phải rút quân ở Đà Nẵng về, và chỉ để quân giữ Gia Định, còn bao nhiêu binh thuyền thì đem sang Tàu trợ lực với Hải quân Trung tướng Charner.

Được lệnh rút sang Tàu, quân Pháp đốt cả dinh trại ở Trà Sơn rồi xuống tàu kéo vào Gia Định. Tới Gia Định, Thiếu tướng Page để Hải quân Đại tá d'Ariès ở lại giữ Gia Định, còn bao nhiêu binh thuyền thì đem lên phía Bắc hội với binh thuyền của nước Anh để đánh nước Tàu.

Đây, giai đoạn đầu trong cuộc Pháp – Việt giao binh là thế. Nhiều nhà làm sử hay tỏ lời tiếc cho nước ta để mất nhiều cơ hội giảng hòa tốt đẹp cho cả hai bên. Nói như thế thì cũng phải, nhưng xét kỹ thì chắc đâu... Lại cho rằng do việc cấm đạo giết đạo mà gây nên trường chiến, tưởng không phải lẽ lắm. Ví như không có chuyện ấy, thì rồi cũng đến có sự xung đột nhau vì quyền lợi mà thôi, bởi một lẽ rất dễ hiểu là xét ra tình thế người Tây phương vào thời kỳ ấy, hầu hết đều muốn tìm đường sang Viễn Đông, Mỹ thị oai ở Nhật năm 1854. Anh chiếm chỗ trước ở Ấn Độ. Pháp thế tất phải tìm đường sang Việt Nam là nước mà Pháp đã từng trợ chiến bên cạnh vua Gia Long. Sở dĩ họ chần chừ chưa ra tay bá chiếm hẳn, là vì còn yếu, lại bận nhiều việc. Như thế thì rõ rệt cái sự cấm đạo phải đâu là một cơ chính, mà ngày nay dân Việt chắc cũng thừa biết cả rồi. Cái văn minh vật chất của Âu tây đã làm hư hại thịnh danh của họ nhiều là thế. Mà thôi, ngày nay lịch sử diễn triển theo cái đà của nó. Ta chỉ còn có việc dò theo vết lịch sử để rút kinh nghiệm.

Sau khi quân Pháp bỏ Đà Nẵng đi, Triều đình Huế bèn sai Nguyễn Tri Phương, Phạm Thế Hiển vào Nam để cùng với Tôn Thất Hợp sung Gia Định quân thứ.

Tháng 7 năm Canh Thân (1860) Nguyễn Tri Phương cùng bộ tham mưu lên đường vào Nam chống với toán quân Pháp còn chiếm đóng nơi ấy.

Lúc gần đi, Nguyễn Tri Phương tâu với vua Tự Đức cặn kẽ những việc giữ được, và nguyện đem hết sức giữ gìn đất nước. Lại tâu rằng:

– Mọi việc trong Nam đã có ông liệu quyết, còn ở mặt Quảng Nam mà có việc gì thì có Phan Thanh Giản và Nguyễn Bá Nghi có thể cáng đáng được.

Nên nhớ rằng Nguyễn Tri Phương trước kia đã cùng với Phan Thanh Giản trấn đất Nam kỳ (đã thuật ở chương trước). Tiếng súng nổ ở Đà Nẵng do Rigault de Genouilly khai chiến, thì Nguyễn Tri Phương được lệnh tổ chức cuộc kháng chiến ở mặt Đà Nẵng, như thuật ở đoạn trên. Nay Nguyễn Tri Phương lại được lệnh vào Nam, khi đi lại tiến cử Phan Thanh Giản có thể vỗ yên dân ở Quảng Nam, thế là hai cụ Nguyễn, Phan đã rõ biết nhau nhiều lắm vậy.

Một võ tướng, một văn thần, hai cụ đều là trang nghĩa liệt tinh trung đã làm thom những trang sử Việt cận đại.

Giờ, ta hãy theo dõi hai cụ Nguyễn, Phan, để được xem cuộc diễn triển lịch sử trong giai đoạn Pháp – Việt giao binh lần thứ hai.

V. Nguyễn Tri Phương thất thủ đồn Kỳ Hòa Phan Thanh Giản vào Nam

Tháng 7 năm Canh Thân (1860), nhằm năm Tỵ Đức thứ 13, Nguyễn Tri Phương lên đường vào Nam. Đồng thời Phan Thanh Giản ngược Bắc.

Liên quân Pháp – Y ở Sài Gòn lúc bấy giờ chỉ có độ 1.000 người. Quân của Nguyễn Tri Phương trên vạn.

Nguyễn Tri Phương vào xếp đặt ở Gia Định một cách rất có quy củ, đắp lũy đồn Kỳ Hòa (người Pháp gọi là Chí Hòa), ra quân chống nhau với quân Pháp do Đại tá d'Ariès chỉ huy.

Quân Pháp cố thủ đánh cầm chừng chờ binh cứu tiếp viện. Đến tháng 9 năm ấy (1860), liên quân Anh-Pháp thắng lợi ở nước Tàu, đại biểu nhà Thanh là Lý Hồng Chương ký tờ hòa ước với hai nước Anh-Pháp. Đã rảnh tay, Chính phủ Pháp liền sai Trung tướng Charner tiện đường kéo binh thuyền đến Việt Nam, chủ trương việc lấy Nam kỳ.

Tháng giêng năm Tân Dậu (1861), Trung tướng Charner đem cả thủy 70 chiếc tàu và 3.500 quân bộ kéo đến Gia Định, rồi truyền lệnh tiến quân đánh đồn Kỳ Hòa.

Đồn Kỳ Hòa thất thủ. Nguyễn Tri Phương quân thua bỏ đồn chạy về Biên Hòa, nhằm ngày 26 tháng hai 1861. Trận này, Nguyễn Tri Phương bị thương, người em là Nguyễn Duy tử trận. Tham tán quân vụ Phạm Thế Hiển chạy về đến Biên Hòa được mấy hôm thì mất. Về bên liên quân Pháp – Y chết mất nhiều vị võ quan, như quan năm Testard, quan ba De Lareynière, còn Lục quân Thiếu tướng Vaissoigne, người Pháp, Đại tá Palanca, người Y-pha-nho, với hai vị quan ba Foucault, De Rodelle, quan hai Berger, mấy vị quan Noel, Frostin và Joly đều bị thương, quân lính thì chết hơn 300 người.

Phá được đại đồn Kỳ Hòa rồi, Trung tướng Charner tiến đánh Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Tây Ninh, rồi quay về đánh tỉnh Định Tường (Mỹ Tho).

Trận đánh Mỹ Tho xảy ra vào cuối tháng hai năm Tân Dậu (1861). Trung tướng Charner chỉ huy, một mặt sai Trung tá Bourdais đem tàu tiến đánh các đồn, một mặt sai Thiếu tướng Page đi đường bộ, theo cửa sông Mékong vào; rồi hai mặt hiệp binh cùng tiến đánh lấy thành Mỹ Tho. Quan Hộ đốc Nguyễn Công Nhân bỏ thành chạy.

Lấy được luôn Mỹ Tho, Trung tướng Charner cho hoãn việc binh ít lâu để lo sửa sang việc cai trị trong địa hạt mới chiếm.

Triều đình Huế liền sai Nguyễn Bá Nghi làm Khâm sai đại thần vào kinh lý việc Nam kỳ. Nguyễn Bá Nghi liệu thế không chống nổi với quân Pháp, dặng sớ xin giảng hòa. Nhưng quan đại thần Trương Đăng Quế ở trong triều chủ chiến, nhất quyết mưu sự chống giữ.

Chống là phải. Vì lúc ấy dù có muốn giảng hòa chắc cũng khó, bởi người Pháp đã có ý định chiếm Nam kỳ làm thuộc địa để mở rộng thế lực nước Pháp ở Viễn Đông. Xem như việc sau này thì rõ.

Chẳng những Trương Đăng Quế ở trong triều chủ chiến, mà ngay trong Nam kỳ vào buổi ấy cũng đã xảy ra những trận đánh do nhân dân tự động kháng chiến, tổ chức cơ quan binh bị phòng vệ. Có tiếng nhất trong buổi bấy giờ là những cuộc khởi nghĩa của Huyện Toại và Quận Định ở Gò Công, Phủ Cao ở Mỹ Tho, Thiên Hộ Dương ở Đồng Tháp Mười.

Dân tình khổ sở vì ngoại xâm, nội loạn. Cả hai Chính phủ Pháp, Việt đều không yên, dân hai nước đều làm vật hy sinh cho hai thần ác: tham và giận một cách đau xót.

Sợ tướng mới quân mệt, đến tháng mười năm Tân Dậu (1861), Chính phủ Pháp sai Hải quân Thiếu tướng Bonard sang thay cho Trung tướng Charner về nghỉ.

Bonard sang. Cuộc chinh phục rộng lớn bắt đầu. Lần lượt, Biên Hòa, Bà Rịa và Vĩnh Long thất thủ.

Giặc ngoài chưa yên. Sang đầu năm Nhâm Tuất (1862), trong nước lại thêm có loạn: ở Bắc Việt thì có tên Phùng, tên Trường đánh phá rất ngật ở mặt Quảng Yên và Hải Dương; Nguyễn Văn Thịnh tục gọi là cai tổng Vàng thì phá rối ở Bắc Ninh.

Triều đình Việt Nam lo lắng. Giữa lúc ấy chợt có tin từ Gia Định đưa về cho hay rằng: Thiếu tướng Bonard có ý muốn giảng hòa.

Tình thật hay chỉ là một trò phóng tin để dò tin bên địch? Chỉ biết rằng sau khi có tin ấy, thì có Trung tá Simon vâng lệnh Bonard đem chiếc tàu Forbin vào cửa Thuận An để chực xem Triều đình Huế có xin hòa không.

Dù sao thì sao, tình thế trong nước ta bấy giờ buộc phải hòa là hơn. Nhưng chẳng biết kẻ nào được thế sẽ còn buộc những điều kiện gì đây. Triều đình ngần ngại, nhưng rốt ra cũng phải sai Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp vào Gia Định giảng hòa.

Vua Tự Đức bốn thân rót ngự tửu ban cho Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp, bày tỏ sự đặt tín nhiệm hoàn toàn vào hai cụ.

Để cho hai cụ có đủ uy quyền thương thuyết với Thiếu tướng Bonard, vua Tự Đức xuống dụ phong cho cụ Phan làm Chánh sứ, Toàn quyền đại thần, và phong cho cụ Lâm làm Phó sứ.

Ngày 16 tháng tư năm 1862, hai cụ Phan, Lâm xuống tàu Forbin vào Nam với xứ mạng giảng hòa.

VI. Phan Thanh Giản - Lâm Duy Hiệp

Ký hòa ước ngày 5 tháng 6 năm 1862

Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp phụng mạng vào Nam thương thuyết giảng hòa.

Cuộc hội nghị mở ra giữa hai cụ Phan, Lâm và Bonard (Pháp) với Palanca (Y).

Đã tới nước phải đi giảng hòa, cụ Phan Thanh Giản thừa biết là phải chịu thiệt thòi. Nhưng chắc cụ không ngờ nổi điều kiện của kẻ mạnh đưa ra gắt gao đến thế nào. Mà dù thế nào, cụ Phan vẫn tin tưởng ở tài đức mà sẵn tới.

Nhưng cụ Phan đã phải ngậm hờn. Mà dân nước cũng sôi lòng cứu nước. Vì, này đây kết quả cuộc giảng hòa:

Ngày 5 tháng 6 một tờ hòa ước ký kết giữa những người đại diện cho hai dân tộc Pháp – Việt là Phan Thanh Giản với Lâm Duy Hiệp và Bonard với Palanca ghi 12 khoản:

1) Hiệp ước này khánh thành một kỷ nguyên thân thiện và giao hữu giữa 3 nước: Pháp, Y-pha-nho (hoặc Tây Ban Nha) và Đại Nam.

2) Sự tự do giữ đạo Thiên Chúa sẽ ban hành trên khắp địa phận Đại Nam, không bị bắt buộc, cũng chẳng bị làm trở ngại.

3) Ba tỉnh miền đông là Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, và đảo Côn Lôn sẽ nhượng cho nước Pháp. Hơn nữa không được làm trở ngại tàu nhỏ và tàu lớn của Pháp từ ngoài biển vào mượn đường thủy của Đại Nam để buôn bán với Cao Miên; cũng phải để cho pháo thuyền và hạm đội Pháp được tự do chạy vào các con sông của Đại Nam đặng thám hiểm.

4) Sau khi ký hiệp ước, nếu các cuộc xung đột xảy ra giữa Đại Nam và một cường quốc khác, và Đại Nam bại trận, muốn nhượng cho cường quốc ấy vào nơi nào trên lãnh thổ của mình, thì trước hết Đại Nam phải cho Pháp biết, vì trong trường hợp ấy cần phải có Pháp bằng lòng mới được. Pháp có quyền không chịu, nếu Pháp cho rằng những sự nhượng đất kia có thể có hại cho Pháp.

5) Các thương gia Pháp và Tây Ban Nha đến buôn bán ở các cửa biển Đà Nẵng và Quảng Yên phải được bảo an và được tự do hoàn toàn. Họ sẽ đóng hết tất cả các món thuế cho Đại Nam. Các thương gia người Nam qua Pháp và Tây Ban Nha cũng được như thế, nhưng họ phải trả những thứ thuế và chịu những điều kiện hiện hành trong hai xứ ấy.

Khi nào các thương gia là dân một cường quốc khác, chứ không phải dân Pháp hay Tây Ban Nha mà đến Đại Nam và Đại Nam cho cường quốc ấy hưởng những điều kiện đặc biệt và được ưu đãi, thì Đại Nam cũng phải làm như thế đối với thương gia Pháp và Tây Ban Nha.

6) Khi nào xét ra cần thiết và nếu phải có cuộc hội nghị giữa ba nước, một trong ba nước ký tên sẽ đề cử những người đại diện, sẽ nhóm hoặc ở kinh đô Đại Nam, hoặc ở kinh đô Pháp hay Tây Ban Nha. Trong lúc thường, thư từ giao hữu hoặc các cuộc thăm viếng theo phép xã giao có thể trao đổi giữa các nước bạn. Mỗi lần người đại diện cho Pháp hay Tây Ban Nha sang Đại Nam, thì chiếc tàu chở người đại diện ấy sẽ đến đậu tại Đà Nẵng, rồi người đại diện sẽ do đường bộ đi từ Đà Nẵng đến kinh đô.

7) Sau khi hiệp ước này ký kết, thì 3 nước không còn cừ hận nhau nữa. Quân lính và thường dân người Nam bị quân đội Pháp bắt trong các cuộc giao phong sẽ được thả ra. Những vật

dụng và tài sản đã lấy của vài làng trong lúc chiến tranh sẽ trả lại cho chủ chánh thức. Những người Nam nào, bằng cách này hoặc bằng cách khác, đã giúp đỡ công việc cho Pháp sẽ được ân xá luôn cả gia đình của họ.

8) Đại Nam phải trả cho Pháp và Tây Ban Nha một số tiền bồi thường là 4 triệu đồng trong 10 năm, mỗi năm 400.000 đồng, giao tận tay người đại diện Pháp ở Gia Định. Sau khi đóng xong số tiền 100.000 đồng bằng tiền điều ròi, thì 10 số tiền đóng hàng năm sẽ được giảm 2%.

9) Nếu những người Nam, sau khi theo bọn cướp đến khuấy nhiễu những địa phận đặt dưới quyền ủy nhiệm của Pháp trở về tìm chỗ lánh thân trong các tỉnh của Đại Nam, và nếu các thường phạm Pháp hoặc Âu châu đến tìm chỗ trú trên địa phận Đại Nam, thì Chính phủ Pháp cậy người đại diện cho mình ở Đại Nam đứng làm trung gian, kêu nài dẫn độ những tội nhân ấy đăng giao cho tư pháp của người Pháp. Cũng một thể ấy, những tội nhân hoặc kẻ phiến loạn người Nam qua trốn ở Pháp, thì các quan Nam có thể bàn tính với người đại diện của Pháp ở Gia Định yêu cầu dẫn độ đăng giao họ cho các tòa Nam án xử.

10) Sau khi hiệp ước này ký kết, những người nguyên quán ở ba tỉnh phía tây: Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, có thể tự ý đến tìm phương sinh kế trên những địa phận do nước pháp cai trị (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa). Họ chỉ phải tuân theo điều kiện này là đóng thuế cho nhà chức trách Pháp chỗ họ ở. Nếu, vì việc riêng mà Đại Nam muốn chở quân sĩ, khí giới, thuốc đạn, ngang qua những địa phận do người Pháp chiếm đóng, thì trước hết phải xin phép nhà cầm quyền Pháp, nếu không xin phép thì khi hay có sự chở phi pháp như vậy, Chính phủ Pháp sẽ sai quân đội nghiêm trị.

11) Người Pháp mặc dầu đang chiếm đóng tỉnh Vĩnh Long, sẽ bằng lòng trả tỉnh ấy lại cho Chính phủ Đại Nam và không dự vào việc riêng trong xứ, chỉ để cho nhà đương cuộc Đại Nam kiểm soát và cai trị, nhưng kiều dân Pháp ở Vĩnh Long phải được bảo an hoàn toàn.

Lại còn khoản này: Triều đình Huế phải sớm gọi về những quan lại mà triều đình đã phái đi, trước và trong lúc chiến tranh đăng điều khiển các cuộc hành binh và dự bị trận phục thù, hiện trốn tránh ở ngoại ô các tỉnh bị chiếm cứ, vì cuộc chiến tranh đã hoàn toàn chấm dứt; và nếu họ còn ở đó thì chỉ gây ra những cuộc xung đột không thể tránh được.

Chỉ phải theo điều kiện ấy, Pháp mới trả Vĩnh Long lại cho Đại Nam.

12) Trên đây là những đại cương của hiệp ước đã đặt ra và đã nhất định như thế, các ủy viên toàn quyền của 3 nước sẽ ký và đóng dấu vào.

Bản hiệp ước này sẽ trao cho nhà vua của mỗi nước phê chuẩn, và được coi như là thi hành kể từ ngày 3 nước ký tên và đóng dấu. Trong thời hạn một năm và sau khi các nhà vua phê chuẩn, sẽ có cuộc trao đổi thư tín nhiệm tại kinh đô của Đại Nam.

Cuộc giảng hòa là vậy đó. Ba tỉnh miền đông, người Pháp giành chiếm trọn. Còn một trong ba tỉnh miền tây là Vĩnh Long thì cũng có hứa trả, nhưng chỉ là hứa.

Tâm trạng của cụ Phan khi ký hòa ước như thế nào, ngày nay chúng ta không biết rõ. Nhưng bằng ở hành động của cụ, cũng đủ thấy cụ đã phải khổ não nhiều lắm; vì sau khi đó, cụ Phan có làm biểu chương gửi về tấu cho vua rõ sự tình, tỏ vẻ tự trách mình không xứng đáng đương nổi trách nhiệm nặng nề.

Vua Tự Đức quở hai vị Chánh và Phó sứ, xuống lệnh sai Phan Thanh Giản làm Tổng đốc Vĩnh Long, Lâm Duy Hiệp làm Tuần phủ Khánh Thuận với mục đích: phải thương thuyết lại với người Pháp.

Người đại diện cho Chính phủ Pháp nhất định không thay đổi gì trong bản hòa ước đã ký, cứ thế mà thi hành. Bấy giờ nước Y-pha-nho cũng nhượng quyền lấy đất làm thuộc địa cho Pháp,

chỉ nhận tiền binh phí và quyền được cho giáo sĩ giảng đạo mà thôi. Người Pháp được trọn quyền định đoạt. Chiếu theo bản hòa ước, Thiếu tướng Bonard buộc Phan Thanh Giản phải ra lệnh cho các đội binh nghĩa dũng còn cố thủ kháng chiến phải về hàng. Nhất là đám nghĩa quân do Trương Công Định chỉ huy. Từ khi người Pháp nhận thấy cái yết thị có đóng dấu ấn “Bình Tây Đại nguyên soái” bằng đồng mà chỉ Triều đình Huế làm mới có mà thôi, Thiếu tướng Bonard thêm buộc gắt cụt Phan phải chịu trách nhiệm, và tỏ lời trách móc với cụt về sự Nam triều ngầm xui Quản Định như thế.

Cụt Phan trả lời rằng:

– Quản Định tự lòng suy nghĩ thế nào đó mà sinh giặc, chứ triều đình không hề can dự gì cả. Chính Quản Định có viết cho tôi một bức thư như vậy: “Dân ba tỉnh cử tôi làm đầu để đánh khôi phục lại đất nước. Tôi buộc lòng phải làm theo ý họ muốn. Nếu các quan muốn bảo tồn cái tình thế như ngày nay thì tôi sẽ nghịch chỉ của Nam triều và tôi sẽ đánh tới hoai, không kể chi cả, chừng đó các quan chớ lấy làm lạ...” Như thế rõ ra Quản Định quyết ý làm giặc, và mạo nhận dấu của nhà vua, vậy xin Thiếu tướng bắt ông ta mà giết đi.

Theo ý người Pháp thì cái thư của Trương Công Định viết cho cụt Phan là do ở Huế khiến Quản Định viết như thế để phá mối hoà nghi của người Pháp đi, và nếu chẳng may Quản Định có thất thủ đi nữa, người Pháp không lấy đó làm oán thù Nam triều. Bên ngoài thì thế, chứ chắc bề trong thì các quan Nam triều vẫn trợ cấp cho Quản Định luôn luôn.

Thế là cuộc đàm phán của cụt Phan lại thất bại. Cụt ứa lụy, dâng sớ về tâu với vua Tự Đức.

Lần này chẳng những cụt Phan bị bề trên quở, lại bị cách chức luôn. Trong khi ấy, Trương Công Định vẫn kháng chiến. Người Pháp vẫn đánh phá.

Đến tháng hai năm Quý Hợi (1863) là năm Tự Đức thứ 16, Thiếu tướng Bonard và Đại tá Palanca vào Huế triều yết nhà vua để công nhận sự giảng hòa của ba nước theo như bản hòa ước ký kết. Đoạn, Thiếu tướng Bonard về Pháp. Hải quân Thiếu tướng De la Grandière sang thay. Vua Tự Đức lại quyết định phải thương thuyết lại.

VII. Sứ bộ Việt Nam sang Pháp

Cực chẳng đã phải nhượng ba tỉnh miền đông Nam Việt, nhưng triều đình vẫn tìm phương... cho châu về hợp phố.

Tháng 2 năm Quý Hợi (1863) là năm Tỵ Đức thứ 16, Thiếu tướng Bonard về Pháp. Hải quân Thiếu tướng De la Grandière sang thay.

Đã không thể điều đình ở bên nước nhà, vua Tự Đức bèn nghĩ tới việc phải sang nước Pháp để yết kiến vua Pháp mà thương thuyết mới mong có kết quả.

Nghĩ vậy, vua Tự Đức xuống dụ cho Thiếu tướng De la Grandière biết ý định sẽ phái sứ bộ sang Pháp, nhưng vẫn dối rằng: đi đáp lễ Pháp hoàng Nã-phá-luân đệ tam. Nói rằng đi đáp lễ, không phải là không duyên cớ, vì chính năm trước (1862) Bonard và Palanca đã ra Huế chúc mừng, cho nên nhà vua mới dựa vào đó mà mưu việc đưa sứ bộ sang Pháp.

Thiếu tướng De la Grandière chấp thuận đề nghị, phái chiếc tàu Echo chực đón sứ bộ Việt Nam.

Trong giai đoạn khó khăn, Phan Thanh Giản lại được nhà vua ủy thác cho trọng trách, sung chức Toàn quyền Chánh sứ, cùng đi với hai ông Phó sứ là quan Tả Tham tri Lại bộ Phạm Phú Thứ và quan An sát sứ tỉnh Quảng Nam là Ngụy Khắc Đản, với 53 người tùy viên. Còn việc giao thiệp ở trong Nam kỳ thì giao lại cho Trương Văn Uyển làm Tổng đốc tỉnh Vĩnh Long.

Sử chép rằng khi vua Tự Đức quyết định phái sứ bộ sang Pháp điều đình, nhà vua có hỏi cụ Phan Thanh Giản:

– Nếu như khanh vẫn bị bắt buộc phải nhượng ba tỉnh, khanh sẽ xử trí làm sao?

Cụ Phan đáp:

Tâu Hoàng thượng, thần sẽ cân lường từng sự lợi hại. Chừng ấy, nếu như cuộc thương thuyết thất bại, thần sẽ liệu, đòi được quyền lợi nào thì đòi. Kết quả của cuộc thương thuyết tại Pháp quốc tùy theo ý định của Chính phủ Pháp. Thần không dám hứa trước, miễn là cố sức làm tròn sứ mạng của Hoàng thượng trao phó cho thần.

Vua Tự Đức rơi lụy:

– Đất Nam kỳ của Tiên đế để lại. Trăm kỳ vọng nơi khanh đi sứ lần này có kết quả. Khanh làm sao đừng hổ mặt với lịch sử là đủ.

Vua Tự Đức bèn ban ngự tửu và căn dặn sứ bộ:

– Chư khanh tìm đủ cách vào triều kiến Pháp hoàng cho được, mà trao tận tay bức thư ngoại giao, chớ đừng mượn một tay nào khác. Chư khanh đừng quên rằng mình là sứ bộ thay mặt cho một nước muốn thương thuyết một cách xứng đáng, không như những lần trước đi sứ bên Trung Quốc, chư khanh phải giữ tư cách xứng đáng của bậc người phụng diện quốc gia. Nếu phải vào triều kiến Nã-phá-luân đệ tam thì chư khanh nên cúi đầu là đủ rồi, chớ đừng lạy.

Tình thế nghiêm trọng quá. Sứ bộ ai nấy chẳng khỏi lo ra. Nhất là cụ Phan đã phải chép miệng phôi bày tâm trạng:

Chút nghĩa vương mang phải gắng đi,

Tang bồng đành rõ chí nam nhi.

Thuyền ngô phôi phôi giăng hòn bạc,

Khói đá phẳng phẳng lướt tích ti.

La Hán dang tay chờ khách đến,

Tướng quân ghé mắt hẹn ngày về.

Phen này miễn đừng hòa hai nước,

Nỗi tố xin đừng bận bịu chi.

Mấy vẫn lâm ly tình tứ ấy, chứng tỏ lòng người ngâm nó đã từng cay đắng ngon mùi, lao tâm khổ chí mà vẫn quên mình.

Trong khi ấy, trong cơ quan hành chính của người Pháp ở Nam Việt cũng có một người Việt giàu tình cảm như cụ Phan, nhưng đi khác ngã đường, có lẽ cũng cảm lắm vì tâm sự cụ Phan man mác, nên cũng lên cung đàn bấm phím mà hòa điệu trầm hùng ngổ chí mình:

Múa gươm quăng chén cất mình đi,

Bịn rịn đầu mào thối nữ nhi.

Mây khói một màu thuyền thoát thoát,

Biển trời muôn dặm núi ti ti.

Phương xa xe ngựa lừa khi đến,

Nước cũ non sông ngấm lúc về.

Tên cỏ cung dâu là chí trẻ,

Danh mà chi đó lợi mà chi.

Người họa bài thơ của cụ Phan, chính là Tôn Thọ Tường tục gọi là ông Phủ Ba Tường vậy.

Về cuộc hành trình, trước hết sứ bộ xuống tàu Echo vào Gia Định. Ngày 4 tháng bảy năm 1863, sứ bộ từ Gia Định xuống tàu Européen sang Pháp, có Trung úy Reunier đi hộ vệ. Tàu Echo tới Alexandrie lại sang qua chiếc Labrador.

Hai tháng bảy ngày sứ bộ mới tới đất Pháp. Ngày 10 tháng chín 1863, sứ bộ đến quân cảng Toulon.

Sử chép, thời bấy giờ, hải quân Pháp chào sứ bộ Việt Nam bằng 17 phát thần công. Các chiến thuyền đậu tại hải cảng Toulon đều có treo cờ Việt Nam.

Chính phủ Pháp phái Đại tá Anbaret là người ở bộ Ngoại giao, thông thạo tiếng Việt, đứng ra làm thông ngôn khi nhà cầm quyền Pháp xuống tàu tiếp rước sứ bộ.

Chiều hôm 10 tháng chín 1863, tàu Labrador lại đưa sứ bộ tới Marseille. Chính phủ Pháp tổ chức một cuộc tiếp rước chính thức.

Ông Mure de Pelaune, đại diện cho Tổng trưởng bộ Ngoại giao, tiếp rước sứ bộ đứng nghi lễ, rồi mời hết phái đoàn lên một biệt thự đã có mặt nhiều viên chức văn võ Pháp chực đón.

Sứ bộ tạm nghỉ ở Marseille. Ngày 11 tháng chín 1863, sứ bộ lên Paris.

Tới kinh đô Pháp, sứ bộ được tiếp rước long trọng. Ông Feuillet de Conches, đại diện của Hoàng đế Nã-phá-luân đệ tam đến chào mừng sứ bộ, rồi đưa luôn sứ bộ về ở một biệt thự

đường Lord Byron.

Ông Aubaret đứng ra thông ngôn những lời của ông Feuillet de Conches cho sứ bộ hay rằng: Hoàng đế Nã-phá-luân còn ở Biarritz, tháng sau mới về Paris.

Sứ bộ đành nấn ná ở lại chớ Pháp hoàng về. Trong thời gian chờ đợi, bộ Ngoại giao Pháp lại mở cuộc đàm phán với sứ bộ Việt Nam, do ông Tổng trưởng bộ Ngoại giao là Achille Fould chủ tọa.

Cuộc đàm phán “không chính thức” ấy chẳng rõ như thế nào, mà sau đó báo giới ở Paris có đăng tin:

“Vua Đại Nam bằng lòng mua lại ba tỉnh miền đông Nam kỳ với một số bạc 85 triệu và bằng lòng nhượng luôn thành Sài Gòn cho Pháp.

Tờ báo Bỉ là *Indépendance Belge* viết thêm: “Sứ thần Phan Thanh Giản đã hội kiến với ông Achille Fould và đã ưng thuận như thế rồi, chỉ còn chờ Hoàng đế Nã-phá-luân hồi loan sẽ quyết định.”

Thế là nghĩa gì! Lãnh sứ mạng sang Pháp thương thuyết trực tiếp với Pháp hoàng, Phan Thanh Giản lẽ đâu không thận trọng. Những tin tức do báo chí đưa ra ấy, chẳng qua là một lối “họa bùa” để trấn áp dư luận bấy giờ đang xôn xao vì nghe có sứ bộ ta sang đó thôi.

Hơn nửa tháng, Pháp hoàng vẫn chưa về. Đến ngày 7-10-1863 là ngày thứ 25 sứ bộ ở kinh đô Pháp, nhằm ngày lễ Vạn thọ vua Tự Đức, sứ bộ ta tổ chức cuộc khánh chúc, có mời các nhà tai mắt Pháp đến dự. Người Pháp vui vẻ góp mặt trong cuộc lễ Vạn thọ huy hoàng. Bộ Ngoại giao họp với bộ Lễ cùng lo việc trang hoàng cho cuộc lễ tăng phần long trọng. Hành lễ xong, cụ Phan Thanh Giản thay mặt sứ bộ đứng ra tỏ lời cảm ơn và trao 50 lượng bạc cho người đại diện Pháp gọi là để chi phí. Nhưng Đại tá Aubaret đứng lên thay mặt cho người Pháp mà bảo rằng: “Tôi xin quý Ngài hãy cứ để cho vị quan bộ Lễ nước Pháp lo lắng. Đó chỉ rằng chúng tôi cùng chung hưởng trong niềm hoan hỉ và một lòng kính trọng Hoàng đế nước Nam như các Ngài. Xin các ngài chớ do dự”.

Ngày thứ 39 ở kinh đô Pháp (21-10-1863), sứ bộ được Thượng thư bộ Ngoại giao mời đến dự một tiệc đông đủ sứ thần các nước: Brésil, Vénézuala, Mexique, Turquie, Russie, Australie, Hollande v.v...

Đến ngày thứ 54 ở kinh đô Pháp (5-11-1863), sứ bộ mới được vào triều kiến Pháp hoàng.

Bộ Ngoại giao Pháp sắp đặt việc rước sứ bộ Việt Nam tại điện Tuileries rất long trọng.

Hoàng đế Nã-phá-luân đệ tam cho 4 chiếc xe đến rước. Sứ bộ mặc triều phục trang nghiêm. Cụ Phan Thanh Giản lên chiếc xe đầu với quan Tham tri bộ Lễ nước Pháp. Hai vị Phó sứ Phạm Phú Thứ và Ngụy Khắc Đản thì đi xe hơi thứ nhì với Đại tá Aubaret. Chiếc xe thứ ba rước những vị Nguyễn Văn Chất, Ngô Văn Huân, Hồ Văn Lang. Và bốn vị Nguyễn Hữu Thân, Nguyễn Hữu Cập, Hoàng Kỷ và Từ Huệ ngồi chiếc thứ tư. Mỗi xe đều có võ quan theo hầu.

Sứ bộ vào triều yết Pháp hoàng, chấp tay ngang trán, ba lần cúi đầu chào. Hoàng đế và Hoàng hậu Pháp cúi đầu đáp lễ.

Cụ Phan dâng bức thư ngoại giao. Pháp hoàng đứng dậy, bước xuống một bậc tam cấp, thân tiếp lấy bức thư.

Cuộc đàm phán mở đầu. Một bên thống thiết kêu gào công lý. Một bên luôn luôn trầm ngâm nghe mà ít nói, dường chiêm nghiệm mấy lời của sứ thần Việt Nam xem có đúng cùng chẳng.

Và đây, lời nói lịch sử của Hoàng đế Pháp:

“La France est bienveillante pour toutes les nations et protectrice des faibles; mais ceux qui l’entravent dans sa marche, ont à craindre sa sévérité.”

“Nước Pháp từ ái với tất cả dân tộc và sẵn sàng bảo vệ những kẻ yếu. Nhưng những kẻ nào cản đường tiến thủ của nước Pháp thì sẽ được biết sự nghiêm khắc của nó.”

Câu nói lịch sử này được Đại tá Aubaret làm thông ngôn dịch ra tiếng Việt cho sứ bộ nghe. Nhưng đến câu sau: “... ont à craindre sa sévérité” ông Aubaret thông ngôn lại là: “... phải có sợ...” khiến sứ bộ hiểu lầm mà có hơi chán nản.

Tuy nhiên cụ Phan vẫn chưa thất vọng, còn hy vọng ở cuộc đàm phán lại với ông Tổng trưởng bộ Ngoại giao Achille Fould.

Sứ bộ lui ra. Ông Achille Fould liền cho ông Aubaret theo chân cụ Phan để mời cụ và đoàn tùy tùng đến bộ Ngoại giao, nói rằng có chuyện quan trọng cần bàn.

Cụ Phan nhận lời, sang ngay dinh Tổng trưởng bộ Ngoại giao. Ông Achille Fould an ủi và xin cụ Phan thành thật tỏ bày nguyện vọng để rồi ông sẽ đạo đạt lên Pháp hoàng mà xin cho.

Mọi việc vẫn còn nằm trong vòng thương thuyết. Đến ngày 12-11-1863, chợt có báo *Moniteur Universel* công bố:

Hiệp ước 5-6-1862 sẽ phải sửa đổi lại, nhất là khoản thứ ba của hiệp ước ấy.

Nhưng thời gian qua. Việc đâu còn đó. Nhìn vào thực thế thì dân nước còn phải bi quan, mà căn cứ vào những lời hứa hẹn, sứ bộ hãy còn hy vọng...

Và thời gian lưu trú tại Pháp cũng đã khá dài; sao thì sao, sứ bộ phải xuống tàu Japon về bãi mạng triều đình.

Trên đường về sứ bộ còn ghé Tây Ban Nha để chào Hoàng hậu Isabelle.

VIII. CỤ PHAN LẠI THƯƠNG THUYẾT VỚI AUBARET

Sứ bộ Phan Thanh Giản về tới Sài Gòn ngày 24-3-1864, thẳng đường ra Huế để phúc trình cho vua Tự Đức biết rõ kết quả thế nào. Thần dân ai nấy cũng đều hy vọng: Điều khoản thứ 3 trong bản hiệp ước “bất bình đẳng” ngày 5-6-1862 sẽ được hủy. Mà điều thứ ba ấy như thế nào, chúng ta đã biết ở chương trước.

Sứ bộ tin tưởng ở sự thành tâm thật ý của Chính phủ Pháp. Triều đình thì mong mọi điều ấy được thiết thi. Và không quên công lao của Phan Thanh Giản, vua Tự Đức phong cho cụ làm Hộ bộ Thượng thư.

Trong năm 1864, Chính phủ Pháp lại sai Aubaret sang làm Toàn quyền, thay mặt Chính phủ để giải quyết vấn đề Pháp – Việt bang giao lúc bấy giờ.

Về bên ta, ai đứng ra tiếp xúc với người đại diện của Pháp bấy giờ? Thì còn ai nữa ngoài Phan Thanh Giản. Triều đình quyết nghị cử Phan đại diện Nam triều. Vua Tự Đức thân ban ngự tửu và trao Phan một bài thơ khuyến khích ân cần:

Cổ nhân kiên trọng phụ

Lợi độn cư tiên tất

Duy dĩ thành khổ phu

Quý thần tự khả chất

Bạo hổ do độ hà

Cường ngạc diệc tử thất

Thẩm phù bỉ khả tri

Hạ hoạn hồ cường phạt

Gia danh nhân sở hiếu

Chí ý nhân sở khuất

Thiểm ngôn nhân sở phục

Nghĩa khí nhân sở truật

Thiết thạch chung bất di

Khê hác yên năng dật

An nguy tại thử cử

Khẳng tích kinh luân thuật

Vô ngôn dĩ mặc hội

Niên lai cửu thân mật.

Ông Thượng Tân Thị đã dịch:

Người xưa gánh nặng vai mang,

Có đâu biết trước dọc hàng rủi may.

Tin thành chửi lấy lòng ngay,

Quỉ thần mình khá hỏi ngay được liền.

Lội sông hùm dữ phải kiên,

Dời nhà sấu đại băng miền lánh xa.

Huống chi kia có biết mà,

Lo gì việc mạnh trái mà chẳng xong.

Tiếng hay người muốn tự lòng,

Lẽ ngay người phải khuất tùng chẳng sai.

Nói lành người phục theo hoài,

Tấm lòng nghĩa khí người ai chẳng dè.

Bền như sắt đá trọn bề,

Những là kẹt rãnh lòng khe sao đầy.

An nguy hệ ở lúc này,

Kinh luân đừng tiếc chước hay làm gì.

Không lời mà dạ hiểu ghi,

Lâu nay thân mật trọn nghì với nhau.

Vừa sang Pháp đó, Phan Thanh Giản lại đảm nhận trọng trách điều đình ngay trên lãnh thổ nhà.

Lần này, Phan sung chức Toàn quyền cùng với Trần Tiến Thành và Phan Huy Vịnh mở cuộc thương nghị với Toàn quyền Aubaret.

Trước đó...

Toàn quyền Aubaret đưa bản thảo tờ hòa ước, đại lược nói rằng: nước Pháp trả lại ba tỉnh Gia Định, Biên Hòa và Định Tường cho nước Nam, chỉ giữ Sài Gòn, Mỹ Tho và Thủ Dầu Một để đóng quân. Nhưng nước Nam phải để nước Pháp được quyền bảo hộ cả sáu tỉnh Nam kỳ. Nước Nam lại phải chịu mỗi năm là 2.000.000 tiền thuế.

Cố nhiên là cụ Phan chẳng dám nhận lời. Xét đề nghị của Aubaret đưa ra, té ra cuộc đi sứ nước Pháp chẳng là hoài phí lắm! Cụ Phan viện lý, xin nước Pháp nói tay.

Sứ thần hai nước bàn đi bàn lại mãi không xong... một việc giảng hòa. Trong khi ấy, Thiếu tướng De la Grandière đang chỉ huy quân đội chiếm đóng trong Nam, lại sai Đại úy Doudart de Lagrée sang can thiệp vào nội bộ nước Cao Miên, kinh doanh việc bảo hộ, khiến nước Tiêm La (ngày nay là Thái Lan) phải rút quân về, nhường quyền bảo hộ cho nước Pháp.

Nhân thấy thắng lợi luôn ở Cao Miên khi ấy, có nhiều người Pháp trong quân đội chiếm đóng và ở bên Pháp đều có ý không muốn trả lại đất Nam kỳ. Cho nên cuối năm ấy (Giáp Tý: 1864), quan Thượng thư bộ Hải quân (kiêm luôn bộ Thuộc địa) là hầu tước Chasseloup Laubat dâng sớ tâu với vua Pháp nhất định xin không cho nước Nam chuộc ba tỉnh. Vua Pháp nghe theo lời

bèn xuống lệnh truyền cho quân đội cứ chiếu tờ hòa ước mồng 5 tháng sáu 1862 (Nhâm Tuất) mà thi hành.

Chưa vừa lòng, Chasseloup Laubat còn muốn biết rõ tình thế bên Việt Nam hơn, bèn gọi Thiếu tướng De la Grandière về hội nghị và sai Hải quân Thiếu tướng Roze sang thay. Thiếu tướng De la Grandière về Pháp cả đi lẫn về mất 7 tháng, lại trở sang kinh lý việc Nam kỳ.

Thiếu tướng De la Grandière lại trở qua chưa được bao lâu, và cuộc thương thuyết giữa cụ Phan và Aubaret cũng chưa xong, thì Triều đình Huế chợt được sớ của Tổng đốc Vĩnh Long là Trương Văn Uyển đệ về triều cáo cấp:

– Tình hình ba tỉnh miền tây: An Giang, Vĩnh Long và Hà Tiên nghiêm trọng!

Phan hồi này đã 70 tuổi. Cụ dâng sớ xin về trí sĩ, vua Tự Đức còn chưa quyết định, kế xảy ra việc biến lớn, vua liền giao trọng trách cho cụ. Trong khi lên đường trở vào Nam lại, Nguyễn Tri Phương có đưa tiễn cụ một bài thơ:

Ven ngàn góc biển dậm chơi vơi,

Vui tẻ phân nhau một bước dời.

Cá lại Long Giang hai ngả nước,

Nhạn về Du Hạp một phương trời.

Nửa hồ cổ cựu trông lai láng,

Cạn chén tơ lòng gió lộng khơi.

Chẳng kiếp Trường An mau trở lại,

Thăm người viếng cảnh, hỡi người ôi!

IX. Cự Phan lại vào nam

Sớ cáo cấp của Tổng đốc Vĩnh Long Trương Văn Uyển làm cho triều đình xôn xao. Các quan đại thần được lệnh vua Tự Đức triệu tập hội nghị, quyết định tìm phương đối phó với tình thế.

Làm sao bây giờ? Trước tình hình nghiêm trọng, lại cũng Phan Thanh Giản được triều thần đề cử ra gánh lấy việc lớn nước nhà.

Vua Tự Đức không ngần ngại phong cho Phan chức Kinh lược sứ, vào trấn nhậm Vĩnh Long để liệu thế võ yên dân chúng.

Cụ Phan cũng không ngần ngại, bái mạng lên đường vào Nam, nhằm tháng chạp năm Ất Sửu (1-1866). Cụ ghé qua Sài Gòn ngày 5 tháng ấy (nhằm 21-1-1866), và lúc 7 giờ tối cụ đến viếng quan Thống đốc Nam kỳ De la Grandière, dâng lời khánh chúc của vua Tự Đức. Cụ không lưu lại Sài Gòn lâu; qua hôm sau, cùng với đám quân hộ vệ, cụ xuống thuyền đi Vĩnh Long.

Nhân việc ấy, báo *Courrier de Saigon* là tờ báo thứ nhất ở Nam kỳ, có lời bình phẩm:

“... Chúng ta nên ước ao rằng việc có mặt ở ba tỉnh phía tây một người bình tĩnh, hòa hoãn và đã ức chế được các khát vọng tầm thường như ngài, sẽ giữ gìn đặng, trong giới hạn của sự khôn ngoan, những tên phiêu lưu mạo hiểm chỉ xui giục các việc phiền loạn và luôn luôn sẵn sàng, sau mùa gặt hái, ra mặt ở các thôn quê đã thuộc Pháp...”

Nhưng tình thế vẫn càng ngày càng căng thẳng. Không điều đình được điều gì, Phan Thanh Giản khổ tâm dâng sớ về triều bày tỏ tình hình và cúi xin trả áo mào lại vì tự trách mình bất lực không kham nổi việc lớn.

Phan thấy khó, nên toan tránh gánh nặng hay chẳng? Hỡi ôi! Nỗi khổ tâm của Phan muôn đời khôn giải. Nếu chúng ta ngày nay đọc lại bài thơ than dài của Phan làm khi đi sứ nước Pháp về, chúng ta sẽ phải thương cảm cho người thế ấy mà mạng phải lâm cảnh nghịch thường:

Từ ngày đi sứ tới Tây kinh,

Thấy việc Âu châu phải giật mình.

Kêu tỉnh đồng bang mau kịp bước,

Hết lời năn nỉ chẳng ai tin!

Không ai tin Phan về điều gì? Thì đây lời của sứ bộ tâu trình với triều đình về việc quan sát tình hình Âu châu:

Bá ban xảo diệu tề thiên địa

Duy hữu tử sinh tạo hóa quyền.

Nghĩa:

Trăm món khéo tay tay thợ Tạo

Duy còn sống, chết, chịu thua trời.

Thì ra sứ bộ khi về nước đã có xin triều đình nên gấp canh tân cải cách. Nhưng lời xin bị coi là việc: khéo tâng người mà hạ mình!

Nay tình thế khó khăn, Phan dâng sớ xin cáo quan, lòng ấy ai lượng nổi vì đâu. Và lẽ cố nhiên là

vua Tự Đức không bằng lòng. Đã chẳng cho Phan trí sĩ, nhà vua còn quả trách nặng nề:

– Khanh chưa thực hành được một việc gì gọi là đúng với kiến thức của khanh, sao khanh vội từ chức!

Lời trên tuy quả nhưng trong vẫn hàm ngụ nhiều tin cần và chan đượm vẻ não nề. Cảm ơn tri ngộ, Phan từ đấy đành cần cố hết sức mình để trải mọi nỗi gian nan cay đắng.

Chính tích của Phan như thế nào, ngày nay chúng ta hãy đọc lại một bài báo đăng trên tờ *Courrier de Saigon* ngày 5-2-1866:

... Le voyage de Phan-thanh Gian qui se rendait à Vĩnh Long est passé presque inaperçu.

Autrefois, l'attention publique aurait commenté avec empressement toutes ces nouvelles, mais aujourd'hui elle rencontre des aliments d'un intérêt plus immédiat.

Ceux qui ont connu autrefois Phan-thanh Gian devenu aujourd'hui, dit-on, le Ministre le plus influent de la Cour de Hué, ont retrouvé, avec une satisfaction réelle, cet homme distingué, toujours aussi remarquable aussi intelligent que lors de ses premières relations avec les Européens. Quatre années se sont écoulées depuis, et ce vieillard qui était déjà plus que septuagénaire, est toujours vigoureux d'esprit et de corps. Les nombreux voyages, les fatigues de toutes espèces qu'il a affrontées pour son pays, le poids des travaux administratifs dont il a été chargé à son retour dans la capitale, n'ont point altéré cette vigoureuse constitution, tant au physique qu'au moral.

Ce vieux mandarin, doux, instruit et tolérant, que rien n'étonne et qui cherche à s'instruire encore dans un âge avancé, reproduisant ainsi, sans le savoir, le grand exemple donné par le philosophe de la Rome païenne, est bien le type de l'homme supérieur de tous les pays, sachant s'élever, par son travail et sa volonté, au-dessus de sa race et de ses contemporains.

Aussi a-t-il conquis la sympathie de tous ceux qui ont pu le connaître; les personnes qui ont su l'apprécier, ont du partager du fond du coeur à cette lutte sourde et ardente, à ce drame de tous les jours, que l'on entrevoit derrière sa grande et honorable existence.

Quel travail, que d'efforts et de persévérance il a fallu à ce génie incompris qui a devancé les idées de ses compatriotes pour contenir leurs haines, et combattre leurs préjugés pour retenir sa nation sur le bord de l'abîme.

Peut-être réussira-t-il à initier lentement ce peuple aux lois du progrès et de la civilisation. Peut-être succombera-t-il à sa tâche.

Mais quel que puisse être le résultat de son entreprise, on peut le regarder non seulement comme un négociateur habile qui a su ménager adroitement les intérêts de l'empire Annamite vis-à-vis de la France, mais encore comme un homme qui veut le bien et qui a travaillé généreusement, sans arrière-pensée, à une oeuvre de régénération et de salut. Ce sera son plus beau titre à la reconnaissance publique...

Dưới đây bản dịch của nhân viên bộ biên tập *Nam kỳ tuần báo*:

“... Cụ Phan Thanh Giản xuống Vĩnh Long phó nhậm, cụ đã đi qua mà không ai chú ý lắm. Hồi trước, dư luận có lẽ xôn xao bình luận những tin tức như vậy. Hôm nay người ta lặng lẽ là vì sẵn có thức ăn cần thiết hơn.

Những người trước kia đã biết cụ Phan Thanh Giản, hiện nay, theo lời người ta nói, là một vị Thượng thư có thân thế lớn nhất tại triều Huế, những người ấy lấy làm hài lòng mà được gặp lại cụ là một nhân vật thanh nhã, bao giờ cũng đúng đắn, cũng thông minh, như lúc mới bắt đầu

giao thiệp với người Âu châu. Từ ấy đến nay đã 4 năm rồi, mà cụ già này đã quá bảy mươi nhưng vẫn còn tráng kiện, tinh thần cũng như thân thể.

Đã phải xuất dương mấy độ, đã phải chịu mệt nhọc đủ thứ mà đền nợ nước, đã phải gánh vác công vụ nặng nề khi trở về Kinh, nhưng mà sức tráng kiện này không bao giờ suy giảm, về phương diện hình thức cũng như phương diện tinh thần.

Vị lão đại thần này hiền lương, bác học, khoan hòa, không ngạc nhiên về sự gì hết, lại tuổi cao mà vẫn kiếm học thêm hoài, đó là một tấm gương của đạo quân tử, ngoài tôn giáo của thành Rome, đó là một kiểu mẫu trong đám thượng lưu nhân vật của các nước, chỉ nhờ công phu, nhờ tâm chí mà vượt lên cao hơn cả tộc loại mình, cao hơn bạn đồng thời của mình.

Vì vậy mà cụ được lòng yêu mến của mọi người đã được biết cụ; những ai thấu hiểu tâm chí cụ thì cũng đều cảm động đến thâm tâm về sự cạnh tranh ẩn ám mà kịch liệt, về cái thảm kịch diễn hằng ngày mà người ta dòm thấy nơi bề trái của đời vĩ đại và vinh diệu của cụ.

Đấng tài ba mà thiên hạ không hiểu thấu nỗi lòng này, và đã có chí tâm tiến trước các bạn đồng bang, buộc phải xông pha biết bao lao khổ, biết bao cố gắng, biết bao kiên nhẫn để giải nỗi thù hiềm cho họ, để đánh đổ thành kiến và để nâng đỡ quốc gia đang nằm cheo leo trên miệng hố. Có lẽ cụ sẽ thành công trong sự dắt dẫn dân tộc này vào lối tiến hóa văn minh, mà cũng có lẽ cụ sẽ thất bại trong nhiệm vụ của cụ.

Mà dù sở hành của cụ được kết quả thế nào đi nữa, người ta cũng phải xem cụ chẳng những là một nhà ngoại giao đại tài, biết bầu chữa một cách khéo khôn các quyền lợi của đế quốc Việt Nam đối với nước Pháp, mà lại là một người muốn làm việc phải, đã thành thật tận tâm lo cho công cuộc phục hưng và giải phóng. Công cán tốt đẹp này, đáng cho cả thảy mọi người đều cảm ân."

Xem bài trên đây có thể nhận rằng người viết là tri kỷ của Phan Thanh Giản, đã lột trần tâm trạng vị lão thần... khốn khổ.

Và đây, lịch sử chứng minh, đừng ai trách sao Phan Thanh Giản không làm tròn được sứ mạng, vì trong khi Phan cố gắng đi đến sự hòa giải hai dân tộc, thì Thiếu tướng De la Grandière vẫn âm thầm truyền bản nghị định trong quân đội:

Phó Đô đốc, Toàn quyền, Tổng tư lệnh:

Xét vì phải lập tức hoàn bị việc cai trị toàn lãnh thổ đặt dưới sự bảo hộ của nhà cầm quyền Pháp;

Quyết định:

- 1) Ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên sẽ theo luật lệ hiện hành ở thuộc địa.*
- 2) Các viên tham biện lãnh phận sự trong những địa hạt kể sau đây sẽ chiếu theo điều khoản của những nghị định 12-9-1863, 29-6, 7-9 và 19-12-1864 và 14-10-1865, mà xử trí với dân bản xứ.*
- 3)*
- 4)*
- 5) Các viên tham biện ba tỉnh miền tây cùng những viên chức dưới quyền họ sẽ phân cử như sau:*

Tỉnh Vĩnh Long:

- 1) Phủ Định Viễn (huyện Vĩnh Bình và Vĩnh Trị) ly sở tại Vĩnh Long: ô.ô. Bourchet và Eymard Rapine, với 1 thư ký, 3 kinh lịch (lettrés), 2 thông ngôn, 125 lính.*

2)

3).....

Tỉnh Châu Đốc:

4)

5)

6)

Tỉnh Hà Tiên:

7)

8) *Huyện Long Xuyên, lý sở tại Cà Mau: ông Lemonnier de la Croix, với 1 thư ký, 2 kinh lịch, 100 lính.*

Saigon, ngày 15 tháng sáu 1867

Phó Đô đốc, Toàn quyền, Tổng tư lệnh

Ký tên:

DE LA GRANDIÈRE

(Theo tài liệu và bản dịch của ông Lê Thọ Xuân và Thúy Lãnh)

À, thì ra người ta đã sắp đặt nhiều chuyện đáng nghi. Mưu tính gì đây? Phan Thanh Giản có biết?

X. Nam kỳ thuộc Pháp

De la Grandière ra ám lệnh điều động quân đội. Vâng lệnh ai thế?

Sử chép:

Từ năm Đinh Mão (1867) Hải quân Trung tướng Rigault de Genouilly lên làm Thượng thư Hải quân bộ.

Thôi, phải rồi. Cụ Thượng bộ Hải quân hẳn có nhúng tay vào việc xâm lăng. Vì ai còn lạ gì tên tuổi Rigault de Genouilly ngay trong buổi đầu Pháp Việt động binh.

Một mặt sắp đặt, một mặt De la Grandière vẫn thản nhiên mở cuộc thương đàm với Phan Thanh Giản.

Nào ai lượng được lòng người. Đến nước này mà Phan Thanh Giản vẫn còn tin tưởng. Có ngờ đâu...

Trung tuần tháng 6, quân đội Pháp đã chuẩn bị sẵn sàng. Ngày 18-6 người ta đã triệu tập 1.000 lính san đá và 400 lính tập tại Mỹ Tho. Ngày 19, De la Grandière ngồi tàu Ondine đến tỉnh Định Tường để điểm duyệt, rồi hồi nửa đêm, tàu từ Định Tường nhổ neo, và sáng hôm sau dân sự Vĩnh Long lo lắng nhìn thấy quân đội Pháp đến Vĩnh Long.

Thiếu tướng De la Grandière sai người đưa “tối hậu thư” cho Phan Thanh Giản. Phan than dài với các quan:

– Đem sức đọ nhau, mình kém người xa lắm. Tôi nay đã 71 tuổi rồi, nếu đem thân ra chốn chiến trường cầu lấy cái chết rạng danh thì có gì hay bằng. Song các quan thử nghĩ: tôi có cái nghĩa vụ giữ đất chặn dân, nay trên đối với vua nếu đành không giữ được thì chết là đáng phận, dưới đối với dân còn nữa nào bắt chúng chịu lầm than để nhẹ tội mình.

Cao lòng trách nhiệm, Phan lại đứng ra xin cho điều đình. De la Grandière đưa ra điều kiện buộc nhường luôn ba tỉnh miền tây. Phan tê tái góm ghê cho lòng người, thốt lời đau đớn:

– Tôi có quyền giữ đất, chớ không có quyền giao đất. Xin cho tôi hỏi lại ý kiến triều đình.

Và đây sự đã xảy ra, chép theo lời khai của Lãnh đốc Trương Văn Uyển, Vĩnh Long Án sát Võ Doãn Thanh và Lãnh binh Huỳnh Chiêu (người đứng trên vọng lâu Vĩnh Long mục kích cuộc nhập thành của quân đội Pháp) khai với triều đình sau khi đã để Vĩnh Long thất thủ:

... Vào lúc tảo nhìn tàu chiến Pháp đã đậu dài trước thành. Một viên quan ba và Cố đạo quen gọi cụ Trường (tức Legrand de la Liraye) vào thành trao tối hậu thư. Sau khi bàn bạc, Phan Thanh Giản và Võ Doãn Thanh xuống tàu hội đàm. De la Grandière bằng lòng chờ cho Phan Thanh Giản hỏi lại ý kiến triều đình. Nhưng lúc Phan Thanh Giản vừa lên bờ, trước sau có binh sĩ Pháp kèm giữ, thì... cũng là lúc quân đội Pháp bốn mặt ào vào thành...

Vĩnh Long thất thủ trong một buổi sáng ngày 20-6-1867, Tỵ Đức năm thứ 20.

Rồi đến Châu Đốc thất thủ nửa đêm 21 rạng 22, Hà Tiên chín giờ sớm mai ngày 24.

Năm ngày mất ba tỉnh. Nam kỳ thuộc Pháp! Nỗi đau lòng của dân tộc đã nhờ ngọn bút tài tình của nhà sử học miền Nam nước Việt, ông Lê Thọ Xuân phân tách:

24...

24 tháng 6...

24 tháng 6 năm 1867!

Ngày hôm nay!...

Tang tảng sáng hôm sau, lớp sương mù còn nặng nề bao trùm vũ trụ, trên mặt hồ đông thoát hiện ra một con mãnh xà đen vừa dài vừa lớn. Hầm hầm hừ hừ, đơng phóng mình về tỉnh Hà Tiên, mãnh xà bỗng hét lên một tiếng long trời lở đất, đồng thời, hơi độc tua tủa bay lên che kín nước hồ lẫn dãy Tô Châu...

Dưới tầng khói mây, rắn to đã tới. Tán đởm kinh tâm, nhân dân nhìn nhau hồi hộp.

Cửa nẻo đóng kín mít. Không dám thở mạnh.

Một tiếng hét thứ hai... Đại, Tiểu, lưỡng Tô Châu đưa tiếng dội ghê xương, mọi người càng rùng mình nhớn gáy!...

Dẫu run rẩy, sợ sệt, nhưng theo kẹt vách, lỗ hở, con mắt tò mò dòm ra.

Thì chẳng phải Mãng Xà vương nào, mà là một đoàn chiến thuyền; đi trước có chiếc Flamberge và một pháo hạm, theo sau hai mươi chiếc ghe to chở đầy quân lính.

Sau mấy tiếng súng thị oai, quan ba Galey nện gót sắt trên đất Phương Thành (Hà Tiên cũng gọi là Phương Thành hay Trúc Thành).

Toán hùng binh rần rộ theo sau chủ soái.

Người ta chẳng còn nghe một tiếng súng nữa.

Thỉnh thoảng, người ta chỉ nghe những tiếng reo mừng đắc thắng không nhọc sức của đoàn chiến sĩ da trắng, da đen.

Và nếu lắng tai cho kỹ, người ta còn nghe rõ những tiếng thở dài của dân chúng da vàng!

Chín giờ sáng ngày 24-6-1867, cờ Tây đã treo cao ở khắp dinh thự trại đồn thành Trúc.

Thế là “ba tỉnh lại châu ba!”

Thế là sáng hôm sau, 25-6-1867, nhằm ngày 24 tháng năm năm Đinh Mão, Thủy sư Đề đốc De la Grandière tuyên bố nắm trong tay vận mạng Nam kỳ lục tỉnh, và Legrand de la Liraye được lệnh ra Huế... báo tin mừng.

Hà Tiên thất thủ!

Sáu tỉnh Nam kỳ đã mất trọn, sau khi những công thần Trần Bá Lộc, Huỳnh Công Tấn đã được vinh thăng, sau khi những “phản thần” Lãnh binh Định, Thiên hộ Dương đã về cõi chết, sau khi những bôn thần phải gạt lệ dắt díu nhau bỏ chốn chôn nhau cắt rún đã thuộc Pháp mà đến trú trong đất nước nhà vua như Nguyễn Thông, Nguyễn Đình Chiểu v.v... Mấy ông sau này còn cách để giữ nho phong sĩ khí, họ lại bắt cả cụ Võ Trường Toản theo họ bằng nắm xương tàn! Chủ trì và cao tiết của bọn nhà nho xưa nước ta đủ làm cho ta đỡ nhục.

Hà Tiên thất thủ!... Đại úy Galey sau khi ca khúc khải hoàn, giao cho Đại úy Dauvergne dẫn binh qua đóng tại chân núi Tô Châu mà đề phóng sự bất trắc, vì Quản Lịch (tức là Nguyễn Trung Trực) đang còn ẩn hiện ở vùng ấy.

Phải, người ta chờ đợi đến lúc Nguyễn Văn Điền ngó Nguyễn Trung Trực và nói khi cùng chịu tử hình: “Tôi với anh mới thật là sinh tử chi giao”. Người ta đợi tới lúc ông Huỳnh Mẫn Đạt đọc bài thơ điệu Nguyễn Trung Trực mà hai câu sau là:

Anh hùng cường cảnh phương danh thọ

Tu sát đê đầu vị tử nhân.

(Anh hùng cứng cổ danh còn mãi

Thẹn chết bao nhiêu lũ cúi đầu.)

Người ta mới yên lòng.

*Hà Tiên thất thủ!... Báo ơn vua, đền nợ nước, tỏ tấm lòng son, cụ Phan Thanh Giản lựa một cách
rất khó làm là: thung dung tự tử...*

XI. Phan Thanh Giản về thần

Nam kỳ thuộc Pháp! Ngày nay được đọc lời của nhà sử học Lê Thọ Xuân, từ cách chấm câu, từ cách dùng chữ, tưởng như mỗi một câu là một tiếng nức nở, một giọt máu tim của người cao tâm chí.

Chẳng những đời sau ngậm ngùi chuyện cũ, ngay trong thời ấy, biết bao nhiêu tiếng than dài đã hòa trong nước mắt văn chương.

Cử nhân Phan Văn Trị là người vẫn được Phan Thanh Giản mến lắm, khi ấy cũng đã than:

Tò le kèn thổi tiếng năm ba,

Nghe lọt vào tai dạ xót xa.

Uốn khúc sông rồng mù mịt khói,

Vắng ve thành phụng ủ sầu hoa.

Tan nhà cám nỗi câu ly hận,

Cắt đất thương thay cuộc giảng hòa.

Gió bụi đời cơn xiêu ngã cỏ,

Ngậm cười hết nói nỗi oan ta!

Đốc học tỉnh Vĩnh Long là Nguyễn Thông hiệu Kỳ Xuyên, một tay văn hào, quan đến Bộ chính, khi 6 tỉnh Nam kỳ thuộc Pháp, bèn dời nhà ra Bình Thuận, ra đi chép miệng ngậm bài.

Bến Nghé gây nên cuộc chiến trường,

Làng say mấy lúc lại qua thương.

Cùng về xứ cũ người còn khỏe,

Chạm mãi cơn nguy tứ muốn cuồng.

Châu chợ đồn rằm mỗi lợi lớn,

Bề khơi bao thuở cánh buồm trương.

Chỉ lựa ca khóc người Yên Triệu,

Lửa nóng sôi lòng tóc nhuộm sương.

(Bản dịch của Huỳnh Thúc Kháng)

Kể sao cho xiết.

Toàn lãnh thổ Nam kỳ bị chiếm, Phan Thanh Giản bấy giờ sa nước mắt, hết cả tin tưởng và gaog ngán cho sự bất trắc của lòng người.

Phan bèn ra ở trong một cái nhà tranh nhỏ, rồi viết một tờ sớ, lời lẽ cực kỳ lâm ly thống thiết. Xin trích một đoạn ở bản dịch của Lê Thọ Xuân:

Xứ Nam kỳ chẳng may gặp buổi khó khăn như chớp, hơi dũ cả dấy, ùn ùn từ ngoài cõi đưa vào,

manh mẽ thế không ngăn được. Kẻ hạ thần tội đáng muôn thác, không dám sống rảnh mà để nhục vua cha. Bệ hạ là bậc rộng rãi việc xưa nay, sâu biết lẽ trị loạn, đã năng gần người hiền trong triều ngoài quận mà cùng lo việc nước, lo trước toan sau, lại hay thay dây đổi bánh, thời thế còn có chỗ khả vi.

Kẻ hạ thần đến lúc chỉ còn thoi thóp, cứng miệng nghệt hầu không biết phải tiêu điều gì, chỉ có rơi lụy trông về cung khuyết không biết ước mong mà thôi.

Viết sớ xong, Phan xếp đồ triều phục và 23 đạo sắc phong cùng với lá sớ, gửi người đem về Kinh.

Phan tính việc gì nữa đây? Còn tính gì nữa chứ. Sứ mạng không thi hành được, tấm lòng trách nhiệm khiến Phan đau đớn tê mê.

Mà không xót xa sao được. Đây đây người Pháp – Đại tá A. Thomazi – đã thuật chuyện lịch sử ấy gọi là một ... “cuộc đi chơi của quân đội”:

... Đến tháng 6-1867, binh lính ta đi chơi một bữa, thế là xong hết công cuộc chinh phục toàn xứ Nam kỳ, công cuộc khó nhọc bắt đầu từ năm 1858.

Các ông giáo sĩ đi tới trước nhất, rồi kêu lính thủy đến, lính thủy kêu lính bộ tiếp; có người Y-pha-nho trợ lực với ta rất là quý báu mà không cầu lợi gì.

Đề đốc Rigault de Genouilly sáng suốt, khéo lựa ngay Sài Gòn mà chiếm thủ, trước hết cho có cơ sở để tính việc hành động nhất thời, rồi sau thành ra cái trung tâm của một cuộc xây dựng lâu dài bền bỉ. Tới các Đề đốc Charner, Bonard, Lagrandière kế tiếp nhau hoàn thành công nghiệp. Ta có thể nói Đề đốc Rigault de Genouilly phát minh ra Sài Gòn; còn Đề đốc De la Grandière thì chính là người tạo lập ra thuộc địa Nam kỳ!

May mà Phan Thanh Giản không kịp nghe thấy những lời trên đây trước khi chết. Nhưng có cần gì nghe thấy, trong thâm tâm cụ đã thừa rõ chán chường với sự giả dối của họ quá rồi. Cụ đã mất lòng tin về sự tốt đẹp của một nền văn minh... hào nháng...

Cụ quyết định đem một cái chết để mong làm sáng lại cái lòng người đã bị lợi dụng làm mờ tối.

Từ ngày gửi sớ, sắc và đồ triều phục về triều, Phan tuyệt thực.

Bấy giờ cụ Phan Thanh Giản đã mãn phần (Trần Thị Hoạch 1797-1862), trước sau sinh hạ được 4 trai:

1. – Phan Thanh Quân (chết sớm)
2. – Phan Thanh Hương
3. – Phan Thanh Tông tên chữ là Liêm nên cũng gọi là Phan Liêm
4. – Phan Thanh Tôn tên chữ là Thiên cũng gọi là Phan Tôn

Hương có vợ sinh 1 trai 4 gái; Tông được 3 trai 1 gái; Tôn được 2 trai 2 gái.

Khi thấy Phan tuyệt thực, con cháu đều khóc. Cụ cười mà bảo:

– Ta nay ra người vô dụng, sống thì không ích lợi cho quê hương, thác cũng chẳng thiết thời cho xã hội. Chỉ khuyên các người chớ nên đục lợi cầu vinh mà làm điều nhẫn tâm hại lý. Hãy cố học hỏi cho bằng người Âu tây, hãy rảnh phũ vua vực nước toan lo cho hết sức người, họa may sau này dựng vẻ vang cho tổ quốc.

Con cháu vẫn khóc. Nhưng cụ Phan vẫn nhất định tuyệt thực và vẫn thản nhiên ngồi đọc sách như thường.

Tính lại số đời, hơn bảy mươi mốt năm, bao nhiêu là lo lắng, ngày nay tự dứt cuộc đời, sản nghiệp gồm trong một chòi tranh thanh bạch và ngót mười bộ sách để lại đời:

- 1, Năm Minh Mạng thứ 7 (1826) đi thi Hội có làm tập *Du Kinh*.
- 2, Năm Minh Mạng thứ 8 (1827) bạn là Lê Bích Ngọc chết, làm bộ *Toái Cầm*, có đem nhiều thơ của bạn phụ vào.
- 3, Năm Minh Mạng thứ 13 (1832) đi sứ sang Tàu có làm tập *Kim Đài Thi Tập*.
- 4, Năm Minh Mạng thứ 18 (1837) soạn sách *Minh Mạng Chính Yếu*.
- 5, Năm Tự Đức thứ 6 (1853) coi làm bộ *Việt Sử Thông Giám Tổng Mục*.
- 6, Năm Tự Đức thứ 16 (1863) đi sứ Pháp, làm tập *Sứ Trình Nhật Ký*, tập này được Tôn Thọ Tường diễn ra quốc âm đề là *Tây Phù Nhật Ký*.
- 7, *Khảo Cổ Ưc Tuyệt*.
- 8, *Lương Khê Thi Khảo*.

Nghĩ lại tấm thân mấy phen bị giáng, bị cách, bầm dập quá nhiều. Đến lúc tuổi về chiều, nay lại phải mượn đến cái chết để xử cho tròn nghĩa vụ.

Giữa lúc cụ đau đớn tê mê, chính là lúc ở triều đang nghị luận về tội trạng của cụ để mất 3 tỉnh miền tây, rồi đi đến sự buộc tội và tuyên án gắt gao: tước chức, đục bỏ tên trong bia tiến sĩ.

Trong khi ấy, Phan vẫn tuyệt thực mà chưa chết, và đau đớn ngâm lại bài *Toái Cầm*:

Phá toái dao càm phụng dĩ hàn

Tử Kỳ bất tại đối thù đàn

Xuân phong mãn diện giai bằng hữu

Dục mịch tri âm nan thương nan.

Nghĩa:

Tử Kỳ, chết mất, đập đàn thôi!

Non nước còn ai, những ngậm ngùi!

Bốn mặt gió xuân đều bạn cả

Tri âm muốn kiếm lại không người!

Tri âm vắng vẻ trên cõi đời đã bị con người làm như đục vì những đục vọng đê hèn trùm lấp, cho nên Phan thêm ngao ngán than dài để thêm ghê sợ cho lòng người tráo chác:

Trời thời đất lợi lại người hòa,

Há để ngồi coi phải nói ra.

Lâm trả ân vua đền nợ nước,

Đành cam gánh nặng ruổi đường xa.

Lên ghềnh xuống thác thương con trẻ,

Vượt biển trèo non quản phận già.

Cũng tưởng một lối an bốn cõi,

Nào hay ba tỉnh lại châu ba.

Tuyệt thực trọn 17 ngày mà không chết, Phan bèn quyết định dùng thuốc độc tự giết cho sớm
lìa xa cõi đời, mới cho gọi tất cả con cháu đến mà trời trần lần cuối:

- Cha không có tài sản gì để lại cho ba con, chỉ có bao nhiêu sách vở quý báu, ba con nên gìn
giữ và cố học hành cho rõ phận làm người. Ba con chẳng nên lãnh chức chi của Chính phủ
Lang-sa cả. Sau khi cha chết thì đem về Bảo Thạnh, chôn gần bên mộ tiên nhân.

Con cháu lại rống khóc. Phan vẫn thản nhiên. Rồi vào lúc canh ba đêm mồng 4, Phan nâng chén
á phiện mà uống cạn, mắt nhắm ngày mồng 5 tháng 7 năm Đinh Mão (1867, Tỵ Đức thứ 20),
sau khi đã đem tàn lục viết để lại mấy chữ dặn con cháu phải đề trên tấm minh sinh và mộ chí:

Hải nhai lão thư sinh tánh Phan chi cửu.

Và bài thơ chữ Hán *Bạng duật tương trì ngu ông đắc lợi.*

Vạn vật nguyên lai lưỡng bất can,

Chỉ nhân ẩm trác khởi tranh đoan.

Vân cầm tráng chí hà tu nhượng,

Vũng cấp hùng tâm bất khắp khoan.

Khai khẩu bất như giam khẩu ổn,

Nhập đầu sanh giác xuất đầu nan.

Tảo tri đắc lợi qui ngư thủ,

Vân thủy phí tiềm các tự an.

Ông Vũ Trang dịch:

Trời đất sinh ra vốn khác lò,

Chỉ vì tham miếng phải giăng co.

Cò khoe dài mỏ chi mà nhịn,

Trai cậy dày mu chả nói cho.

Mở miệng, không bằng im hóa ổn,

Vương đầu, mới biết gỡ thêm lo...

Sớm hay no dạ ông câu cá,

Bay tí mây xanh, lặn nước mò.

XII. Trống nghĩa bảo an sấm dậy

Phan Thanh Giản đã mất! Ngày mồng năm tháng bảy năm Đinh Mão, nhằm 4-8-1867, Việt Nam mất một chí sĩ đáng yêu, một cao sĩ đáng kính. Non nước nghìn thu luống thở dài!

Mà người Pháp... cũng thở dài về cái chết của Phan.

Vĩnh Long, le 4 Aout 1867

Mon cher Commandant,

Nous sommes arrivés au dénouement fatal du drame de l'empoisonnement de Phan Vang Diang, il a succombé cette nuit et son corps a été transporté ce matin hors de la Citadelle, l'inhumation aura lieu à Kébon dans quel ques jours: ce n'est pas sans un vif sentiment de chagrin que nous avons vu périr ce remarquable vieillard et je suis sur que ce sentiment sera partagé par tous ceux qui l'ont connu: il a accompli son suicide avec une fermeté de résolution étonnante, ayant déjà préparé son corps au ravage du poison par une diète de plus de 15 jours; il prit froidement toutes ses dispositions, fit acheter son cercueil, des habits de deuil pour sa famille et ses serviteurs, régla la cérémonie des funérailles dans ses moindres détails et donna à ses enfants de conseils sages et dignes; il les engagea à rester avec les Francais mais à n'accepter aucun emploi de leur part, ils doivent vivre dans leur propriétés en gens pacifiques, franchement ralliés à la France, sans occuper autrement de politique et pour conseiller partout la paix et le travail: quant à ses petits enfants, pour lesquels les mêmes raisons d'abstention ne sauraient exister, il recommanda de les faire élever avec soin par les Francais, et il me témoigna quelques jours avant l'accomplissement de sa funeste résolution le désir de me laisser quelques millions de francs pour subvenir aux frais de leur éducation à Saigon: je ne compris pas alors le sens de ses paroles qui n'eut pas échappé au...

(Lettre du Commandant Ansart à M. le Chef d'Etat major général)

Bản dịch của Trường Sơn Chí:

Cùng Đại tướng thân mến,

“Chúng tôi đã đi đến kết cuộc nã nề tấn thảm kịch tự tử của Phan Thanh Giản. Ngài đã thở hơi cuối cùng trong đêm qua và thi hài của ngài sáng nay đã được dời ra ngoại thành. Lễ an táng sẽ cử hành tại Kébon(?) trong nay mai. Nhìn cái chết của bậc lão thần đáng quý ấy, tôi không sao tránh được nỗi đau sâu thẳm thiết và tôi tin chắc rằng ai đã biết ngài, cũng có một cảm tưởng như tôi.

Ngài thi hành công cuộc tự tử một cách cương quyết lạ lùng. Trước khi trao thân cho độc dược tàn phá, ngài nhịn ăn trong 15 hôm. Ngài thần nhiên cắt đặt mọi điều: dạy mua áo quan, sắm tang phục cho gia quyến và gia thuộc, lo đến các chi tiết nhỏ nhặt trong việc tang chay và khuyên dạy con ngài những điều hay và sáng suốt. Ngài bắt con phải sống chung với người Pháp, song chẳng được tho lãnh chức tước chi, phải sống yên ổn trong điền đất của họ, thành thật giao tiếp với người Pháp, không được dựa vào quốc chính và phải khuyên dỗ dân tình lo hòa bình và làm việc.

Đối với đoàn cháu của ngài mà những lời trên đây không hạp lắm, ngài dặn dò phải giao chúng nó cho người Pháp nuôi, và mấy ngày trước khi thực hành cái ý định thâm của ngài, ngài tỏ ý muốn giao lại cho tôi ít triệu quan để dùng vào việc học của chúng nó ở Sài Gòn. Hồi đó tôi không hiểu ý lời nói của ngài...”

Đem lời lẽ trong bức thư trên đây so với lời trời trần dặn dò của Phan Thanh Giản đối với con cháu, ta nhận thấy có một đôi điểm khác. Nhưng nếu ta không nhận xét kỹ thì sợ gieo thêm sự

đau khổ cho người đau khổ. Tình thế lúc ấy, có lẽ bắt buộc Phan phải dùng ngôn ngữ ẩn ánh khác ý trái lòng, để đối với họ hay dùm chừng hành động của Phan, chứ còn riêng trong gia đình, chắc chắn Phan quyết định buộc con cháu phải tuân theo những lời lâm chung di chúc ấy. Việc về sau này sẽ chứng tỏ tâm hồn Phan.

Sau khi Phan chết, Thiếu tướng Ansart cai quản các đạo binh ở vùng Mỹ Tho – Vĩnh Long viết một bức thư gửi cho Đại tướng của họ, như đã trích dịch ở trên, thì De la Grandière cũng gửi ngay đến gia đình cụ Phan một lá thư phân ưu:

Saigon le 5 Aout 1867

“J'apprends avec une grande douleur la mort de S.E. Phan-thanh Gian, votre père. Le royaume d'Annam dont il était le membre le plus éminent perd dans ce vieillard respecté, une de ses gloires et de ses lumières, et le sentiment de profonde estime qu'il laisse dans ma mémoire et dans celle des Français sera plus durable que la haine de ses ennemis.

Aucun autre que votre père n'a compris à Hué quels étaient les avantages qui devaient assurer le bonheur du peuple, et c'est un sentiment touchant et digne de respect qui l'a, malheureusement, porté à ne pas vouloir survivre aux conséquences d'une politique dont tous les torts et toute la responsabilité appartiennent au Gouvernement Annamite.

Le témoignage officiel de mon estime et de mon amitié que je vous adresse dans cette lettre doit être conservé dans votre famille comme le gage des sentiments que les Français conservent pour votre vénérable père et pour sa famille.

Soyez persuadé aussi que je m'efforcerai, par tous les moyens qui dépendent de moi, d'assurer le bonheur de ses enfants, en leur accordant les faveurs et les situations qui peuvent leur convenir”.

Dịch:

“Bản chức lấy làm đau đớn mà hay tin thân phụ của công tử là cụ Thượng Phan Thanh Giản từ trần. Nước An Nam mà Ngài là một phần tử xuất chúng mất cụ già đáng kính ấy, tức là mất một trong những cái vinh quang của nó và mối tình quý trọng sâu xa mà Ngài lưu lại trong ký ức của tôi và của người Pháp sẽ lâu bền hơn mối thù hằn kẻ nghịch.

Ngoài lệnh nghiêm ra, không một viên quan nào ở Huế hiểu biết những mối lợi cần thiết để bảo đảm hạnh phúc cho dân tộc, và rủi thay, một mối tình cảm động khâm kính đã xui giục Ngài không muốn sống thừa để trông thấy kết quả của một chính sách mà những lỗi lầm cùng tất cả trách nhiệm thuộc về Chính phủ An Nam.

Cái bằng chứng chính thức của lòng quý trọng và tình bằng hữu mà bản chức đạt đến công tử trong bức thư này phải được gìn giữ trong quý quyến như chứng cứ của mối tình người Pháp đối với lệnh nghiêm đáng tôn kính, cùng gia đình của Ngài.

Công tử cũng nên tin rằng bản chức sẽ cố gắng, bởi những phương tiện sẵn có, để bảo đảm hạnh phúc cho các con ngài, bằng cách ban cho họ những ân huệ và địa vị thích hợp.”

Lấy tình cảm mà an ủi, lấy danh lợi mà dẫn dụ, nhưng người Pháp vẫn không lay được cái tâm trí thanh cao của dòng họ Phan Thanh.

Trước lời ân cần chiếu cố của người Pháp, các con của Phan mỉm cười cảm ơn. Tuy nhiên, vì tình nhà nợ nước, các con của Phan đâu dám để nhẹ dạ mà làm hoại danh tiếng cha già.

Ba tháng ôm lòng đau đớn chịu tang cha, Phan Thanh Tông sau nhiều đêm suy nghĩ bèn bàn tính với em là Phan Tôn, cùng nhau chung chí ý, quyết ra tay vạch một con đường... một con

đường của người dân yêu nước toan lo giải phóng, một người con biết trọng danh dự của gia đình.

Thế là Phan Thanh Tông tức Phan Liêm cùng họp sức với em là Phan Tôn tức Phan Thiên, giống trống chiêu quân, trương cờ khởi nghĩa trong những vùng Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh và Sa Đéc.

Nhưng việc lớn không thành. Hai con của Phan Thanh Giản đều tử trận nơi Giồng Gạch. Để cho ai dù có chê khí tiết Phan lại thêm được thấy một bằng chứng hùng hồn khiến phải nghiêng mình.

Một nhà đều tử tiết, xưa nay không phải là việc dễ có trên đời. Cho nên Nguyễn Đình Chiểu đã thống thiết bi cảm khóc Phan Thanh Giản:

*Non nước tan tành hệ bởi đâu,
Dàu dàu mây bạc cõi Ngao Châu.
Ba triều công cán đôi hàng só,
Sáu tỉnh cương thường một gánh trâu.
Ái bắc ngày chiều tin điệp vắng,
Thành nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.
Minh sinh chín chữ lòng son tạc
Trời đất từ đây bật gió thu.*

Và một bài thi chữ Hán:

*Lịch sử tam triều độc khiết thân
Vi công thù tán nhất phương dân
Long hồ uổng phụ thư sinh lão
Phụng các không vi học sĩ thần
Bỉnh tiết tần lao sinh Phú Bật
Tận trung hà tận tử Trương Tuần
Hữu thiên lục tỉnh tồn vong sự
Nan đắc thung dung tự nghĩa thần.*

Ông Thượng Tân Thi dịch:

Mình trong sạch trái thờ ba chúa,
Không ông ai che chở dân lành.
Long hồ phụ lão thư sinh,
Ở nơi các phụng không đành làm quan.

Cầm tiết nhọc sống chàng Phú Bật,
Hết ngay sao giận mất Trương Tuần.
Mất còn sáu tỉnh trời phân,
Thung dung tựu nghĩa làm thần khó thay.
Nguyễn Đình Chiểu lại tỏ cảm tình với hai con cụ Phan tử tiết:

I

*Thương ôi! Người ngọc ở Bình Đông,
Lớn nhỏ trong làng thấy mến trông.
Biết đạo khác bày con mắt tục,
Dạy dân nắm giữ tấm lòng công.
Đặng danh vừa rạng nền nhà cửa,
Vì nghĩa riêng đền nợ núi sông.
Một trận trái gan trời đất thấy,
So xưa nào thẹn tiếng anh hùng.*

II

*Anh hùng thà thác chẳng đầu Tây,
Một giấc sa trường phận cũng may.
Viên đạn nghịch thần treo trước mặt,
Lưỡi gươm địch khái nắm trong tay.
Đầu tang ba tháng trời riêng đội,
Lòng giận ngàn thu đất nổi dầy.
Tiếc mới một sông ra đặt trạm,
Cái sên, con rả nghĩ thương thay!*

III

*Thương thay tạo vật khuấy người ta,
Nam đổi làm Tây, chánh lại tà.
Trống nghĩa Bảo An theo sấm rập,
Cờ thù công tử guộc mây qua.
Én vào nhà khác toan nào kịp,
Hươu thác tay ai vọi hỡi xa!*

*Trong số nên hư từng trước mắt,
Người ôi! Trời vậy tính sao ra!*

IV

*Sao ra nhảy nhót giữa vòng danh,
Sơn đóng chưa khô ấn đốc binh.
Đuốc gió nhẹ sao đường thủy thạch,
Cỏ hoa ngùi động cửa trâm anh.
Trên giồng lửa cháy cờ tam sắc,
Dưới gảnh đèn lò bản thất tinh.
Dẫu khiến nghe can vùng đất hiểm,
Chờ trời nào đến tuổi vong linh.*

V

*Vong linh sớm gặp buổi đời suy
Trăm nét cân đo ít lỗi nghi.
Bóng bọt hình hài vừa lối thấy,
Ngút mây phú quới bỗng tan đi.
Sanh năm mươi tuổi ăn chơi mấy,
Quan bảy tám ngày sướng ích chi.
E nổi dạ đài quan lớn hỏi,
Có sao xấu mếu côi Ba Tri?*

VI

*Ba Tri từ vắng tiếng hơi chàng,
Gió thảm mưa sầu khá xiết than.
Vườn luống trông xuân huê ủ dột,
Ruộng riêng buồn chủ hóa khô khan.
Bầy ma bất hạnh duồng làm nghiệt,
Lũ chó vô cô cũng mắc nàn.
Người ấy vì ai ra có ấy?*

Chạnh lòng trăm họ khóc quan Phan.

VII

Quan Phan thác trọn chữ trung thần,
Ôm tiết như người cũng nghĩa dân.
Làng để đành theo ông hữu đạo,
Cõi phàm hổ ngó lũ vô quân.
Lòng son xin có hai vừng tạc,
Giồng Gạch thà không một tấm thân.
Ai khiến cuộc hòa ra cuộc chiến,
Người qua An Lái luống bâng khuâng.

VIII

Bâng khuâng ngày xế cả than trời,
Ai đổ cho người gánh nạn đời.
Nếm mật Cối Kê đâu chẳng giận,
Cắp dùi Bác Lãng há rằng chơi.
Một sòng cung kiếm rồi vay trả,
Sáu ải tang thương mặc đối đời.
Thôi! Mất cũng cam, còn cũng khổ,
Nay Kim mai Tống thẹn làm người.

IX

Làm người trung nghĩa đáng bia son
Đứng giữa càn khôn tiếng chẳng mòn.
Cơm áo đèn bồi ơn đất nước,
Râu mày giữ vẹn phận tôi con.
Tinh thần hai chữ phao sương tuyết,
Khí phách nghìn thu rỡ núi non.
Gẫm chuyện ngựa Hồ chim Việt cũ,
Lòng đây tưởng đó mất như còn.

X

Như còn chẳng gọi thế rằng cô,

Cái chuyện huê vi trước vẽ đồ.

Sở hời trót ghi cừu họ Ngũ

Hón đâu khỏi trả hận thẳng Nô.

Vàng tơ sử Mã dòi đường sứ,

Búa với kinh Lân lấp dấu hồ.

Ngày khác xa thư về một mối,

Danh thơm người tới cõi hoàng đô.

XIII. Công luận phẩm bình

Đã là người của lịch sử thì trải qua bất cứ thời đại nào con người vẫn cần phải biết tới lịch sử, và người của lịch sử vẫn phải chịu cho muôn đời sau công luận phẩm bình.

Nghệ thuật bình phẩm người của lịch sử là một nghệ thuật đòi hỏi ở nhà phê bình một kiến thức sâu rộng, một tâm hồn trong sạch, và ít nhất cũng phải có một cái vốn kha khá về sử học. Mà “danh dự công bình là bản tâm nhà viết sử” (L'honneur de l'équilité est le propre coeur des historiens).

Từ xưa đến nay, người nước đã viết nhiều về Phan Thanh Giản, có ca ngợi mà cũng có chê dè, nhưng ca ngợi thì chiếm đến chín phần mười. Một phái chê là vì cái biết đã cạn mà lòng lại hẹp nên không thông cảm nỗi tâm sự của tiền nhân, khiến cho tiền nhân đã nhiều đau đớn càng thêm đau đớn. Còn những bậc giàu tình, lịch duyệt, thì hầu hết đều ngậm ngùi than thở chẳng cùng mà biết nghiêng mình trên trang sử cận đại nước nhà để chia thắm bực với “Người học trò già họ Phan ở nước Đại Nam” thân mến của chúng ta.

Chúng ta đã nghe tiếng nấc của cụ đồ Nguyễn Đình Chiểu ở chương trước rồi, giờ xin hãy nghe bao nhiêu người nước chung mối cảm hoài:

I.

1

*Tiến sĩ Nam kỳ xướng trước công,
Khô tinh tỏ rạng khắp non sông.
Ba trào phò chúa không nguôi dạ,
Một cõi chẵn dân chẳng mỗi lòng.
Gặp lúc trời Nam cơn thế biến,
Tách miền biển Việt nghị hòa xong.
Lòng người đã muốn trời không vậy,
Thà thác mình đây dựng chữ trung.*

2

*Vận nước trong khi cuộc đổi dời,
Ra vai gánh vác một phương trời.
Thương vua phải chịu lòng đau đớn,
Vì nước đành cam lụy nhỏ rơi.
Nghĩa nặng chẳng từ cơn yếu đuối,
Thân già bao quản chốn đua bơi.*

Vài lời dâng số liệu mình thác,

Tiếng để về sau biết mấy đời.

3

Nặng nặng giữ vẹn tấm lòng ngay,

Nặng nhẹ chẳng từ khổ nhọc thay.

Vì nước thương dân trời đất biết,

Thảo cha ngay chúa quý thần hay.

Tây kinh phụng sứ cơn già yếu,

Nam trấn cầm cờ lúc trở gay.

Biết trước chẳng cho dân chịu thác,

Một mình cho trọn nghĩa tôi đây.

II. – Quan Án sát tỉnh An Giang là Phạm Viết Chánh sợ người sau chẳng rõ nỗi niềm người khuất, nên ám ức bày lòng:

Phan công tiết nghĩa sánh cao dày,

Thương bấy vì đâu khiến chẳng may.

Hết dạ giúp vua trời đất biết,

Nát lòng vì nước quý thần hay.

Tuyệt lương một tháng rau xanh mặt,

Bị cách ba phen lửa đỏ mày.

Chỉ sợ sử thần biên chẳng ráo,

Tấm long ám ức phải thày lay.

Và đôi liễn diếu:

Sổ hàng di biểu lưu thiên địa

Nhất phiến đan tâm phó sử thư.

Nghĩa:

Đôi hàng biểu để lòà trời đất

Một tấm lòng son tạc sử xanh.

III. – Cửa Phương Thành thôn nữ:

Nhất tử dĩ toàn tam tỉnh huyết

Cửu truyền bất tử lục châu tâm.

Nghĩa:

Một chết cho tròn tính mạng dân ba tỉnh

(Thân tuy đã ở) tuổi vàng (nhưng) chẳng chết nơi lòng dân sáu châu.

IV. -

Cứu tuyền vị thích quần hung hám

Nhất nhẫn năng toàn lục tỉnh dân.

Nghĩa:

Chín tuổi vẫn chưa nguôi được lòng giận quần hung

Một nhin đi để cho toàn dân sáu tỉnh.

V. - Của Nguyễn Thế Hào, Hương sư ở Phương Chỉ (An Lão, Kiến An):

Lục bào hoa hốt bậc văn quan,

Trung liệt kiêm toàn một cụ Phan.

Biết rõ thời cơ khôn cứu vãn,

Ngậm cười nuốt giận với giang san.

VI. - Của Nguyễn Đức Qui ở La Khê, Hà Đông:

Học rộng tài cao chẳng gặp thời,

Cho nên đành chịu bó tay thôi.

Gọi hồn non nước công đà uống,

Thấy cảnh tang thương lệ ứa rơi.

Liều thuốc tiêu hồn rồi một kiếp,

Tấm lòng ái quốc giải muôn đời.

“Lương Khê thi tập” còn lưu đó,

Đọc đến ai không cảm nhớ người?

VII. - Văn tế của Thượng Tân Thị Phan Quốc Quang:

1. - Than ôi! Một tấm lòng son; Muôn đời bia tạc

2. - Cuộc tang hải nổi chìm mấy lúc, khối tinh anh càng tỏ rạng lâu lâu; - Dây giang sơn biến chuyển nhiều khi, hồn trung liệt vẫn linh thiêng trạc trạc

3. - Kính nhớ tướng công xưa: Học rất uyên thâm; - Tài thêm lỗi lạc.

4. - Thi Tiến sĩ đỗ hàng Tam giáp, ra làm quan đúng bực thanh liêm; - Thờ thánh quân trải khắp ba triều, liệu việc lớn thật tài thông đạt.

5. - Chép biên chánh yếu, văn tày Thái sử công Thiên; - Bàn luận quân cơ, tài sánh Khổng Minh

Gia Cát.

6. – Số ngàn giá thương dân mà bị trích, hãi hùng thay! Biến họa lúc ba đào; – Việc đường xa vì nước phải gian nan, đau đớn bấy! thân già nơi gió cát.
7. – Đi xứ Pháp để lo điều đình xin chuộc đất, sự không thành: mình vì thế yếu đơn cô; – Về tàu vua nhưng sự cơ xảo giới tà trời, ai cũng cãi: họ có tài chi uyên bác.
8. – Nghĩ mình chí không toại chí, dựng tấu chương từ chức, tạ chín trùng cửa bắc xin lui; – Nhưng vua lòng chẳng chịu lòng, ấn kinh lược trao quyền, đem ba tỉnh miền tây ủy thác.
9. – Mang gánh trên vai ngay thảo, cầu gió xuôi thuận nẻo cánh bằng; Giữ tay chèo giữa lúc ngửa nghiêng, mong biển lặng êm chịu sóng ngạc.
10. – Bổng đất bằng giông tố nổi, nào thành trì, nào phủ khố, giao cho rồi khỏi liên lụy mạng thương sanh; – Thôi rường cả cột kèo xiêu, này áo mào, này sắc văn, gói nạp lại để vẹn toàn thân bạch phát.
11. – Tạ di số đôi hàng giải tỏ, mắt rung rung cửa chúa cách muôn trùng; – Xót tàn niên bảy chục già nua, lòng khăng khăng phận tôi đành một thác.
12. – Minh sanh đề chín chữ, không thẹn mình chức lớn quan to; – Thuốc độc uống một hơi, cho khuất mắt vợ con bạn tác.
13. – Đoái non sông ruột những bàng hoàng; – Nhìn cây cỏ hồn như man mác.
14. – Ôi! Vật đổi sao dời; – Người buồn cảnh khác.
15. – Bãi Ngao sóng dợn tiếng ùng ùng; – Núi Tượng sấm rền nghe chát chát.
16. – Chết với quê hương chết danh dự, không thua cùng Gia Định Võ Duy Ngụy; – Chết vì việc nước chết càng thương, còn hơn sống Hà Tiên...
17. – Bốn ngàn năm lịch sử, nên danh cao như núi đá nổi vun chùn; – Hăm mấy triệu đồng bào, nhắc chuyện cũ tợ hồ sen thơm bát ngát.
18. – Câu thánh nhân Khổng tử nói, vẫn sáng ngời theo nhật nguyệt tinh thần; – Chữ thủ nghĩa Mạnh Kha truyền, còn ghi để với sơn xuyên hà nhạc.
19. – Nay nhân tiết hè gần mãn, hương hoa gọi tỏ lòng thành; – Đối cùng người trước đã qua, phong phỉ kính dâng lễ bạc.
20. – Hồn phượng phát phù trì cho nước tổ, trong ấm ngoài êm, trên hòa dưới thuận, đài văn minh được sớm hưởng vinh quang; – Hồn anh linh giúp đỡ cho giống nòi, đông thành tây tự, nam hiệp bắc hòa, đường học vấn càng thêm tấn phát.
21. – Ngửa nhờ đức sánh cao dày; – Xin nhớ mãi không phai lạt.

Hỡi ôi! Thương thay! Phục duy cần cáo.

VIII. – Trường Sơn Chí, một thiếu niên tân học nhưng không nghèo lòng hoài cổ, đọc sử cụ Phan cũng để lộ tâm tình:

“Than ôi! Phan tiên sinh là người thông quán thức thời, nhưng phải gặp vận nước đến hồi mù mịt, lòng người đang lúc đảo điên, nên không muốn hy sinh vô ích đả ba quân và chẳng nở để lụy cho dân chúng. Nhưng là một trung thần khí tiết, tiên sinh không muốn sống sót sau khi tự dâng thành trì cho người Pháp, bèn uống thuốc độc tự tử để đem ‘tâm lòng son sắt mà báo đền

ân nước, cho hết bốn phần của kẻ làm tôi.’

Xưa kia, nhà hiền triết Socrate vâng lệnh trên uống ‘cigue’ mà chết một cách lạnh lùng, được người đời ca phục; gần đây, Phan tiên sinh vâng theo tinh thần của kẻ sĩ anh hùng nâng chén thuộc độc mà không đổi sắc, muôn thuở về sau sẽ chiêm bái cử chỉ ấy đến thế nào!

Phan Thanh Giản tiên sinh, ở nhà đối với cha với vợ thì một lòng hiếu nghĩa, ra thờ vua giúp nước lại hết dạ trung cương, nên tiên sinh là một tấm gương soi sáng trời Việt hơn cả quốc sử cận kim vậy.”

IX. – Luật sư Vương Quang Nhường tỏ cảm tình:

“Khuất phục và thanh cao! Cả cuộc đời của cụ, từ lúc sinh đến lúc chết hiển nhiên có sự tương phản ấy. Cụ vốn là con nhà thường dân, mà chỉ nhờ sự cần cù kiên nhẫn, làm tới chức vị tối cao trong nước, đậu Tiến sĩ, làm Hiệp biện đại học sĩ, chánh nhất phẩm, sung chức Thượng thư, nhiều lần được cử làm sứ thần sang Tàu và sang Pháp.

Số trời hình như đã định trước mạng vận có vẻ lạ lùng trái ngược của cụ; ta thấy cụ làm nên quyền cao chức trọng, tưởng chừng như cụ đã sinh ở chốn lâu đài tráng lệ một bậc phú hộ nào, hoặc ở nơi dinh thự một bậc đại thần nào; nhưng không, chính cụ ở trong một cái nhà tranh của một viên tiểu lại ở tỉnh Vĩnh Long, tại làng Bảo Thạnh, tổng Bảo Trị (nay là Ba Tri) phủ Hoàng Trị (nay là Bến Tre), tỉnh Long Hồ (tức Vĩnh Long).

Mà sau này, đến khi cụ là một vị đại thần trong triều, có chân trong viện Cơ mật, làm sứ thần sang Pháp và làm Kinh lược sứ Nam kỳ, mà cụ cũng chỉ ở một cái nhà tranh ‘cột bằng gỗ cây vò già và vách tre bằng đất’ như lời một người mục kích đã nói. Thế rồi cụ cũng chết trong cái nhà tranh ấy. Rồi trên cái minh tinh lát nữa sẽ đặt trên quan tài cụ ở trong mộ, đừng tưởng cụ bảo biên tất cả các phẩm chức của cụ không phải là ít, vì cụ đã trải thờ ba triều và ở trong hòm sắc của cụ có tới hai mươi ba đạo sắc. Không, theo ý muốn cụ, chỉ có chín chữ thật là đơn giản mà cảm động biết bao:

ĐẠI NAM HẢI NHAI LÃO THƯ SINH TÁNH PHAN CHI CỬU.”

(Bản dịch của Hải Lượng)

X. – Rồi nhân ngày giỗ cụ Phan, một ký giả bâng khuâng cảm nỗi “Mây trắng Ngao Châu”:

“Trọn ngày mồng bốn tháng bảy âm lịch vừa qua, tôi đóng cửa nằm nhà.

Để đọc lại mấy đoạn tiểu sử của Phan Lương Khê tiên sinh, và để thỉnh thoảng trông lên bức chân dung ngài treo bên án sách mà thở dài:

Phải, tôi thở dài, vì đến nay đã 78 năm, kể từ ngày Phan công nâng chén chính khí mà gửi hồn lại cho non nước, hãy còn có một đoàn hậu tấn (cũng may là rất ít) cho cái gương của tiên sinh là không đáng kỷ niệm, bởi khi bắt buộc nhượng lại ba tỉnh chót Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, ngài tỏ ra thiếu tinh thần chiến đấu, di lụy cho con cháu về sau.

Riêng phần chúng tôi, chúng tôi lại có ý nghĩ khác, cho nên hôm nay muốn làm cái chuyện chính trước chúng tôi đã có người hăm hở làm rồi... chúng tôi muốn nói đến chuyện ông Án sát Nguyễn Thông, chẳng những một mình đứng ra bênh vực cho quan Kinh lược họ Phan mà thôi, lại còn xin với vua Tự Đức truy phong cho ngài, vì ngài đã tỏ ra người đởm lược, kinh luân...

Rồi đến lượt vua Đồng Khánh cũng biểu đồng tình với bầy tôi là các ông Trần San, Nguyễn Hữu Độ, mà cho rằng Phan Thanh Giản là người chí khí thanh cao, đáng phục hồi tước phẩm, đáng đem thờ ở miếu công thần... Nhưng mà chúng tôi thấy vô ích. Vì thời gian đã định luận rồi. Và lịch sử cũng đã phê phán rồi!

Phẩm tiết ba triều cao vọi như núi, sá gì là học chưa chín nồi cơm. Văn chương nhất đại, rạng rỡ như gấm hoa, kể chi bọn ăn theo thuở ở theo thời.

Cho nên hôm nay, ngồi tưởng nhớ đến cụ, mà lòng chúng tôi thấy tự hào thêm, bởi người Việt Nam chân chính nào cũng cảm thấy, dầu công vụ không thành, nhưng cái tự giết của cụ là để muốn làm điều nhân, tức là muốn tiết kiệm máu huyết của đồng bào để mưu cầu những cuộc tranh đấu về sau.

Nhớ đến Phan Lương Khê ta nên nhớ điều này trước hơn hết, để khỏi bôi lọ quốc sử và phản bội tiền nhân.”

(*Điện Tín* 12-8-1945)

Hay lắm vậy. Phê như thế mới là khéo phê, bình như thế mới là cao tài bút pháp.

Phan Lương Khê có phải là một bậc tầm thường mà bất cứ ai cũng làm được như thế đâu. Đừng suy nghĩ thiếu cận mà làm chết người xưa một lần nữa như những ai đã khư khư ôm cái luận điệu hẹp hòi: Cụ Phan phản bội tinh thần quốc gia, làm hỏng cái tinh thần kháng chiến? Kìa đoạn kết trên bài báo *Điện Tín* đã trả lời. Và nếu ta biết rằng khi sang Pháp, cụ Phan được tiếp rước niềm nở, chính Ngoại trưởng Pháp là Achille Fould đến thăm sứ bộ ta ở quán số 17 đường Lord Byron. Ngoại trưởng đã trân trọng bỏ găng tay mặt ra và yêu cầu cụ Phan đưa tay ra bắt, rồi ân cần thiết tha nói một câu... đã ghi vào lịch sử: “Xin Ngài hãy thực hành cái tục chào của Tây phương chúng tôi, để chúng ta tỏ tình huynh đệ với nhau”. Người ngay thẳng và thành thật như cụ Phan, cảm động với lời ân cần mật thiết ấy biết bao. Mà ai lại không tưởng với cái tình “huynh đệ” ấy thì có đâu chuyện xâm chiếm nữa mà chi? Và rồi ai bội tín? Ai ngậm cười khinh bỉ? Cái chết của cụ Phan thêm tăng giá cho Việt Nam, mà là một vết nhơ của lịch sử của ai ai. Ví chăng cụ Phan không chết mà chống, còn đâu có cái hay chò linh hồn đất nước này từng có nhiều gương cao quý, còn đâu có mảnh lực nhiệm màu xui cho lòng người bi mà phần để rồi quật khởi mãi và quật khởi mãi vì những gương sáng soi lòng, kích thích.

Sát thân thành nhân. Chí sĩ xưa nay đều thế cả. Cái quan luận định. Tha hồ ai công luận phẩm bình. Nhưng xin nhớ rằng: “Người xưa đã từng đau đớn hơn ta”.

Ông Lê Thọ Xuân, một nhà học giả chân chính, một nhà sử học đã được mọi người công nhận và Nam triều đã tưởng thưởng huy chương mà cũng còn chép miệng than dài nữa là: “Khăn áo chỉnh tề, ngồi đọc sách mà chờ chết, cái chết của kinh thánh truyện hiền, cái chết thái nhiên khiến cho bao nhiêu nhân sĩ phải sa nước mắt.”

Hơn nữa, ông Lê Thọ Xuân đã tỏ bày cảm tưởng trong cuộc dẫn dắt chúng ta đi thăm mộ cụ Phan:

Trên khoảng đất trống, giữa con giồng cao, ở làng Bảo Thạnh, tổng Bảo Trị, quận Ba Tri, hạt Bến Tre, một ngôi mộ vách tô vôi trắng, nền tráng xi măng. Trừ tấm mộ hình quy bối ra thì cái gì cũng làm theo kiểu cách mới cả. Trên vách hiên có hai chữ “Truy tu”, hai bên có đôi liễn:

Xuân lộ thu sương cảm

Sơn hoa dã thảo bi.

Phía trước có tấm bình phong, mặt ngoài đắp hình sen le và đôi liễn:

Giang san chung tú khí

Âu Á mộ oai linh.

Mặt trong đắp hình tùng lộc và đôi liễn:

Tiết nghĩa lưu thiên địa

Tinh thần quán đầu ngư.

Sen le, từng lộc, đỏ đỏ xanh xanh, in trên phong trắng, ngó thoáng qua tường là mộ của một nhà giàu nào mới chết. Lăn vào, quỳ xuống đọc tấm mộ bia:

Nam kỳ hải nhai lão thư sinh Phan công chi mộ.

Phan công chi mộ. Tánh Phan chi mộ. Bốn chữ sau nghe cảm người hơn. Hay là nghĩ: Tánh Phan nghe không có hơi quan?

Hay! Trọn một đời của “Người học trò già họ Phan” gồm tóm ở chín chữ di chúc biên trên tấm minh sinh ấy thôi.

Ai biết đến hay không biết đến, người xưa nào có cần nghĩ tới chi. Nhưng nếu có nhắc đến, xin đừng hiểu khác và làm khác mà phạm tới cái tinh hồn của người xưa đã muốn tự giết mình để làm gương, muốn xa lánh cuộc lợi danh mà vì đó con người đã phải hư hèn xấu xa quá lắm.

HẾT

Liệt kê các sách báo tham khảo

1. *Việt Nam sử lược...* của Trần Trọng Kim
2. *Nam kỳ lục tỉnh dư địa chí* của Duy Minh Thị (bản dịch của Thượng Tân Thị)
3. *Un patriote Annamite...* par Lê Thành Tường (Essai sur la vie de Phan Thanh Giản)
4. *Cụ Phan Thanh Giản...* của Thượng Tân Thị, báo *Tân Văn* 1936
5. *Cụ Phan Thanh Giản....* của Lê Thọ Xuân, báo *Đồng Nai* số 23-24, 15-1-1er 2-1933
6. *Nam Kỳ tuần báo* số đặc biệt *Phan Thanh Giản*
7. *Phan Thanh Giản....* của Vương q. Nhường (diễn văn bằng tiếng Pháp đọc ở hội quán hội khuyến học tỉnh Vĩnh Long, đăng báo *Tribune Indochinoise* số 1084-1089)
8. *Mai Bá Hương...* của Đông Hồ, báo *Mai* số 35 (ngày 31-10-1936)
9. *83 năm* của Nguyễn Kỳ Nam
10. *Vài đoạn thuật sai trong bài Phan Thanh Giản của Đỗ Trầm đăng ở báo Nghệ thuật Việt Nam.....* của Huỳnh Thúc Kháng, báo *Đông Dương* Số 52 ngày 5-4-1941
11. *Một mối cảm hoài.....* của Trương Sơn Chí - Ung Ngọc Ky, *Nam kỳ tuần báo* số Xuân
12. *24-6! Nam kỳ thuộc Pháp...* của Lê Thọ Xuân, *Mai* số 92 ngày 30-6-1939
13. *Bằng cứ chứng tỏ De la Grandière đã sắp đặt sự nuốt 3 tỉnh miền tây Nam kỳ...* của Thúy Lãnh và Lê Thọ Xuân, báo *Thần Chung* ngày 6-6-1949
14. *Cụ Phan Thanh Giản không phải là học trò cụ Võ Trường Toản.....* của Lê Thọ Xuân, báo *Tân Văn* số 87 ngày 2-5-1936
15. *Việt Nam cận thế sử....* của Dương Quảng Hàm
16. *Việt Nam Tây thuộc sử.....* của Đào Trinh Nhất
17. *Thi pháp* của Diên Hương
18. *Một vị đại nhân vật ở Nam kỳ về hồi hai nước Pháp, Việt mới giao tiếp: cụ Phan Thanh Giản...* của Vũ Trang, *An Nam tạp chí* số 22-4-1931

TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN GÓC NHÌN SỬ VIỆT

Là một trong những quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, nhưng một vấn đề Việt Nam đang phải đối mặt chính là sự đứt gãy về mặt lịch sử - văn hóa. Tức thế hệ trẻ ngày nay không còn được đọc hay hiểu được những gì ông cha ta đã viết. Ngoại trừ giới nghiên cứu, đại bộ phận học sinh, sinh viên ít hoặc không có thói quen tìm đọc những thư tịch cổ của ông cha. Góp phần dẫn đến tình trạng đó là việc rất nhiều tài liệu thư tịch cổ quý giá của ông cha ta hoặc nằm sâu trong các kho tàng của các viện nghiên cứu như Viện Sử học Việt Nam, Viện Triết, Viện Hán-Nôm, Thư viện Quốc gia..., hoặc thuộc về các tổ chức cá nhân sưu tầm sách cổ.

Trước thực tế trên, Công ty cổ phần sách Alpha (Alpha Books) xây dựng đề án Alpha Di sản, mục đích dịch thuật, tái bản các tài liệu, thư tịch cổ có giá trị... Hơn hết, Alpha Books mong muốn xây dựng lại nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, chất lượng cho các cơ quan, trường học, thư viện, các trung tâm nghiên cứu và cá nhân, nhằm gìn giữ vốn quý văn hóa của dân tộc

Xuất bản tháng 11/2014

1. *Quang Trung (1788-1792)* - Hoa Bằng
2. *Trần Hưng Đạo* - Hoàng Thúc Trâm
3. *Nữ tướng thời Trung Vương* - Nguyễn Khắc Xương
4. *Phan Đình Phùng* - Đào Trinh Nhất
5. *Lương Ngọc Quyến* - Đào Trinh Nhất
6. *Nguyễn Thái Học* - Nhưộng Tống
7. *Vua Hàm Nghi* - Phan Trần Chúc
8. *Việt - Pháp bang giao sử lược* - Phan Khoang
9. *Việt - Hoa bang giao sử* - Huyền Quang, Xuân Khôi, Thi Đạt Chí
10. *Việt - Hoa thông sử sử lược* - Bế Lãng Ngoạn, Lê Văn Hòe
11. *Việt Nam ngoại giao sử* - Ưng Trình
12. *Sử ký Đại Nam Việt* - Khuyết Danh

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>